

Báo cáo chiến lược

KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 4.2024



Trung tâm phân tích <GO>

Mở tài khoản



Tải ứng dụng



NỘI DUNG CHÍNH

KHỞI ĐẦU TÍCH CỰC TẠO BƯỚC ĐỆM CHO MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG CẢ NĂM.

- GDP quý 1.2024 tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, tăng 5.66%yoy
- PMI ASEAN ghi nhận mức cao nhất 11 tháng, PMI Việt Nam rơi lại dưới ngưỡng 50 điểm
- IIP khởi sắc ở hầu hết các nhóm ngành trong quý 1.2024
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý 1 tăng 8.2%yoy
- Hoạt động xuất nhập khẩu xuất khởi sắc, quý 1 xuất siêu 8.08 tỷ USD
- Số doanh nghiệp thành lập mới trong quý 1.2024 cao nhất trong 10 năm gần đây
- Giải ngân vốn đầu tư công 3T.2024 đạt 13.9% kế hoạch, tăng 3.7%yoy
- Việt Nam thu hút 6.17 tỷ USD vốn FDI, tăng 13.4%yoy
- Lạm phát hạ nhiệt dần trong tháng 03
- Tỷ giá USD/VND tăng mạnh do đồng USD tăng giá
- Lãi suất liên ngân hàng tăng khi tín dụng có dấu hiệu phục hồi

THỊ TRƯỜNG GHI NHẬN SỰ TĂNG TRƯỞNG CẢ VỀ ĐIỂM SỐ VÀ THANH KHOẢN

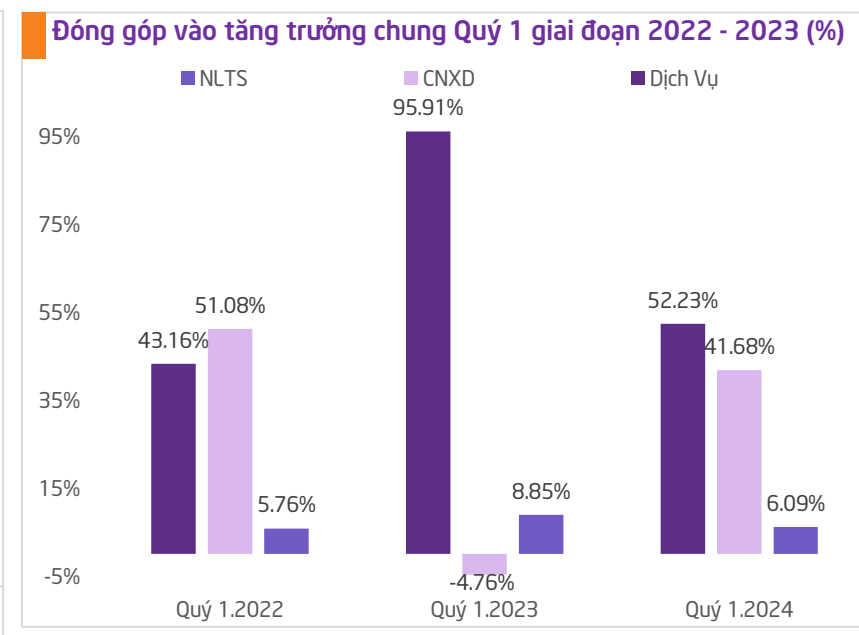
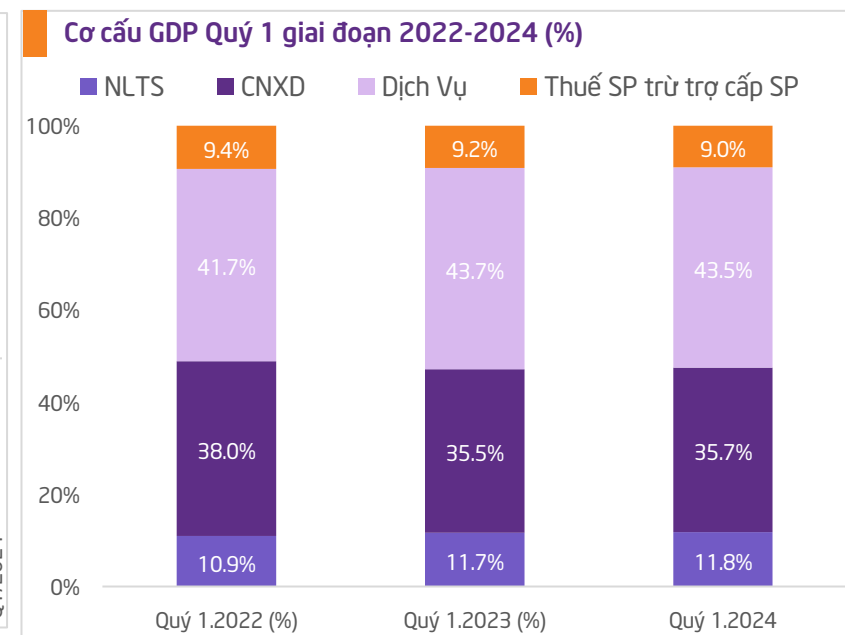
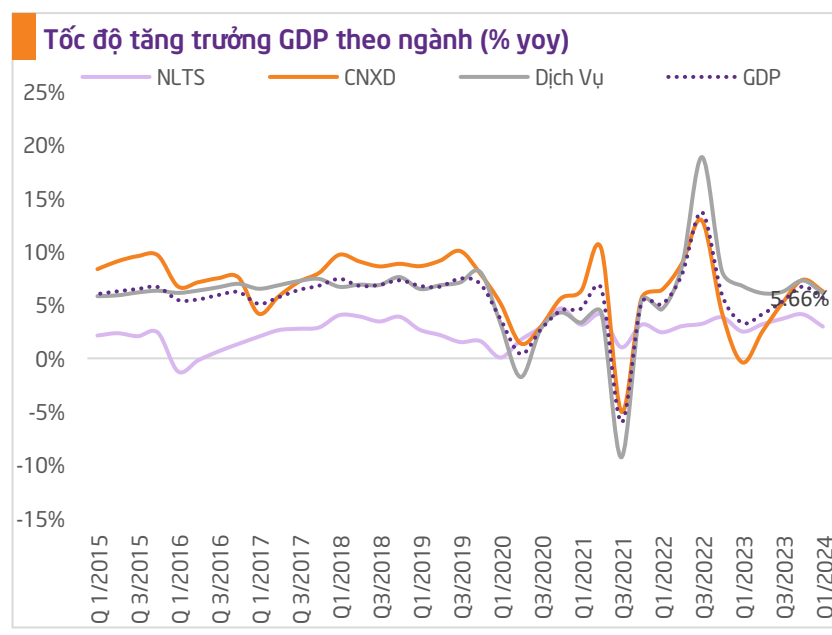
- Chỉ số VNIndex tiếp tục tăng tích cực trong tháng 3 nhờ lực mua mạnh của Nhà đầu tư cá nhân
- Nhóm vốn hóa lớn vẫn thu hút dòng tiền nhưng phân hóa vào cuối tháng
- Thanh khoản tăng mạnh trong tháng 03.2024
- Dự báo các kịch bản của vnindex tháng 4/2024
- Chiến lược đầu tư cho tháng 4/2024
- Cổ phiếu có cơ hội đầu tư theo tín hiệu PTKT



TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

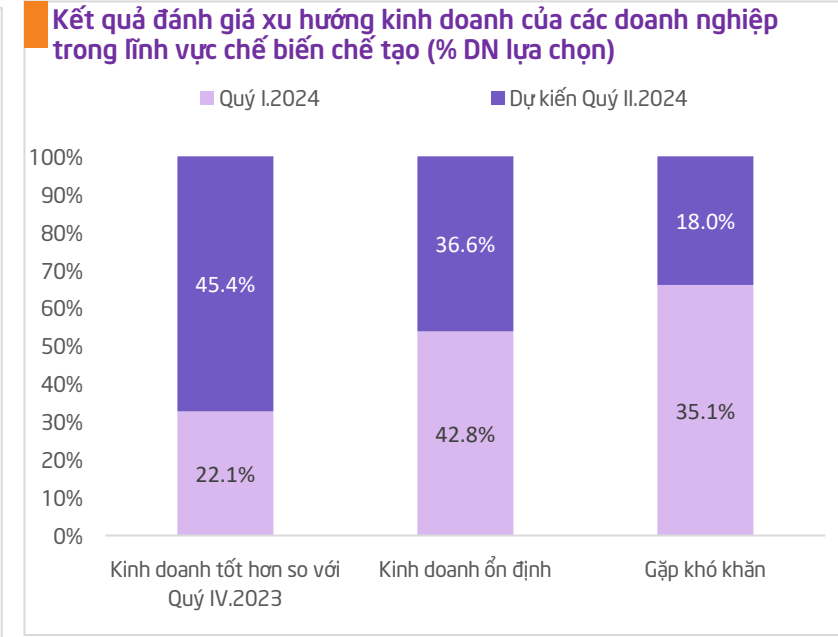
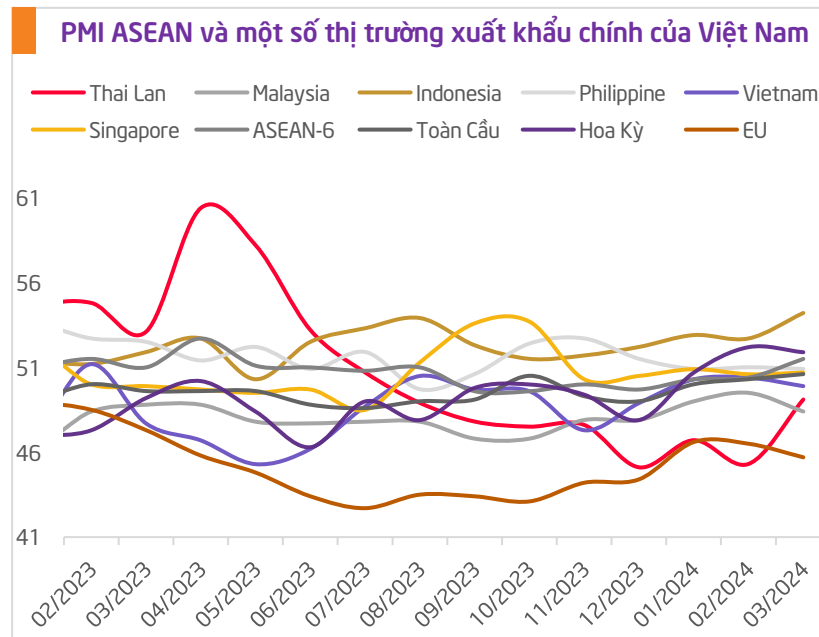
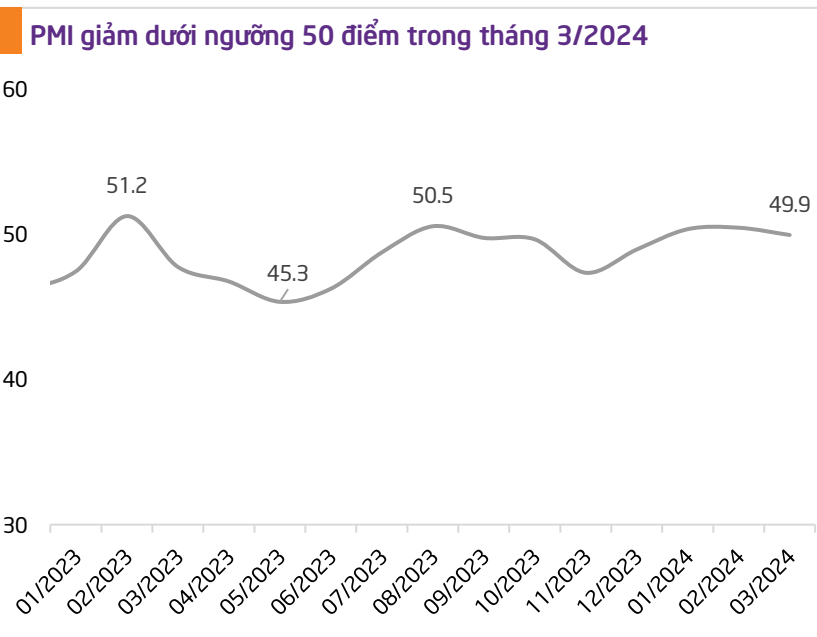
GDP quý 1.2024 tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, tăng 5.66%yoy

- Tăng trưởng GDP quý 1.2024 ghi nhận 5.66%yoy, đây là mức tăng trưởng quý 1 cao nhất giai đoạn 2020 – 2024, cho thấy sự phục hồi đáng kể của nền kinh tế Việt Nam sau các cú sốc đại dịch và những tác động đáng kể đối với nền kinh tế toàn cầu. Trong đó, khu vực dịch vụ đóng góp trên 52% vào mức tăng chung của GDP, tăng 6.12%yoy nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động du lịch. Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 41.68%, tăng 6.28%yoy. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 6.09%, tăng 2.98%yoy.
- Về sử dụng GDP quý 1.2024, tiêu dùng cuối cùng đóng góp 56.77% vào tốc độ tăng chung của GDP, tăng 4.93%yoy (quý 1.2023 đóng góp 46.11%, tăng 3.01%yoy); tích lũy tài sản đóng góp 24.07%, tăng 4.69%yoy; chênh lệch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 19.16% (quý 1.2023 đóng góp 53.75%).
- Về cơ cấu, ngành công nghiệp xây dựng chiếm 35.7% và dịch vụ chiếm 43.5% GDP quý 1.2024. Trong đó, riêng ngành chế biến chế tạo chiếm khoảng 65% GDP ngành công nghiệp xây dựng và 23% GDP quý 1.2024. Ngành dịch vụ chiếm 43.5%.
- TPS nhận định:** Trong quý 1.2024, lĩnh vực công nghiệp và xây dựng phục hồi mạnh mẽ và đạt được mức cao hơn kỳ vọng (tăng 6.28%yoy so với mục tiêu 5.5% trong Nghị quyết số 01/NQ-CP). Sự phục hồi của lĩnh vực này nhờ tăng trưởng tích cực từ nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo được kỳ vọng sẽ tiếp tục khởi sắc khi dòng vốn FDI đổ vào lĩnh vực này khá dồi dào trong vài năm gần đây. Điều này sẽ tiếp sức cho tăng trưởng GDP của Việt Nam tiếp tục tăng tốc trong thời gian tới.



PMI ASEAN ghi nhận mức cao nhất 11 tháng, PMI Việt Nam rơi lại dưới ngưỡng 50 điểm

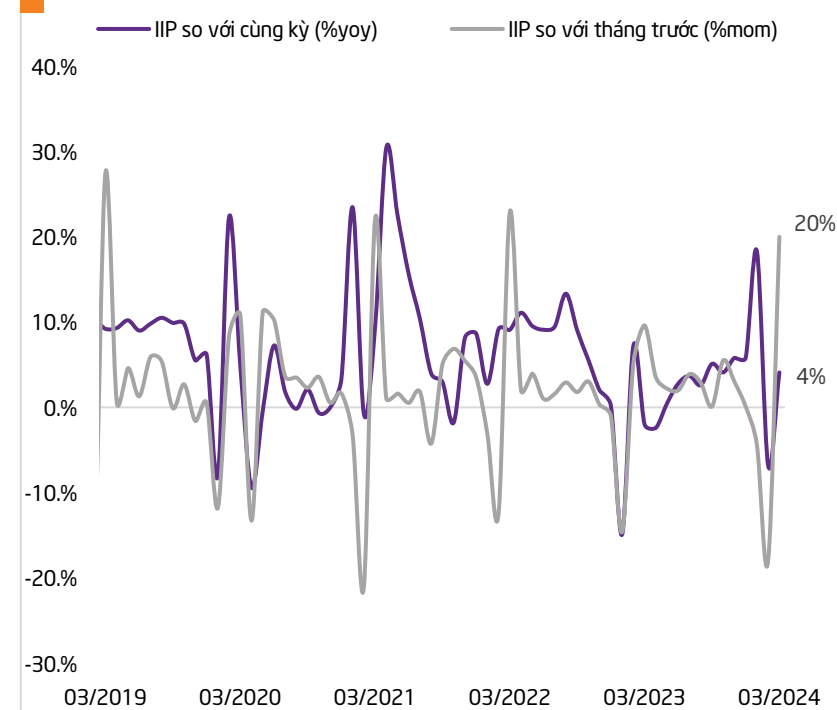
- PMI ngành sản xuất – ASEAN tháng 03 tăng lên 51.5 điểm từ 50.4 điểm trong tháng 02.2024, đây là mức cao nhất kể từ tháng 04/2023 nhờ sự tăng trở lại của số lượng đơn đặt hàng mới. Điều này cho thấy sự tích cực của điều kiện hoạt động trong 3 tháng đầu năm, đây là quý có kết quả hoạt động mạnh nhất kể từ quý 2 năm 2023. Sự cải thiện đến từ số lượng đơn hàng mới tăng trở lại, giúp sản lượng tăng nhanh hơn. Tuy nhiên, số lượng đơn đặt hàng mới chủ yếu xuất phát từ nhu cầu khách hàng trong nước, trong khi đó, số lượng đơn hàng quốc tế không ổn định. Ngoại trừ Indonesia, Singapore và Philippine, lĩnh vực sản xuất của các quốc gia còn lại như Thái Lan, Malaysia và Việt Nam đều đang trong tình trạng thu hẹp.
- PMI ngành sản xuất – Việt Nam tháng 03 quay đầu giảm dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy tăng trưởng lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đang chậm lại. Nguyên nhân chủ yếu là do số lượng đơn đặt hàng mới giảm nhẹ. Điểm tích cực của tháng này là niềm tin kinh doanh đang tăng lên, hầu hết các công ty đang ngày càng lạc quan rằng sản xuất sẽ mở rộng trở lại trong những tháng tới. Hơn nữa, các nhà sản xuất đã và đang nỗ lực tăng tuyển dụng trong tháng 3, từ đó tăng số lượng việc làm tháng thứ 2 liên tiếp với tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 10.2022.
- TPS nhận định:** Sau khi vượt ngưỡng trung bình ở 2 tháng đầu năm 2024, PMI Việt Nam quay đầu giảm và ghi nhận ở dưới ngưỡng 50, báo hiệu kết thúc giai đoạn phục hồi kéo dài kể từ đầu năm 2024. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục co lại trong tháng 3 chỉ là sự điều chỉnh trong quá trình phục hồi của lĩnh vực sản xuất. Bên cạnh đó, sự lạc quan trong niềm tin kinh doanh là yếu tố quan trọng để kéo PMI vượt ngưỡng 50 trong thời gian tới.



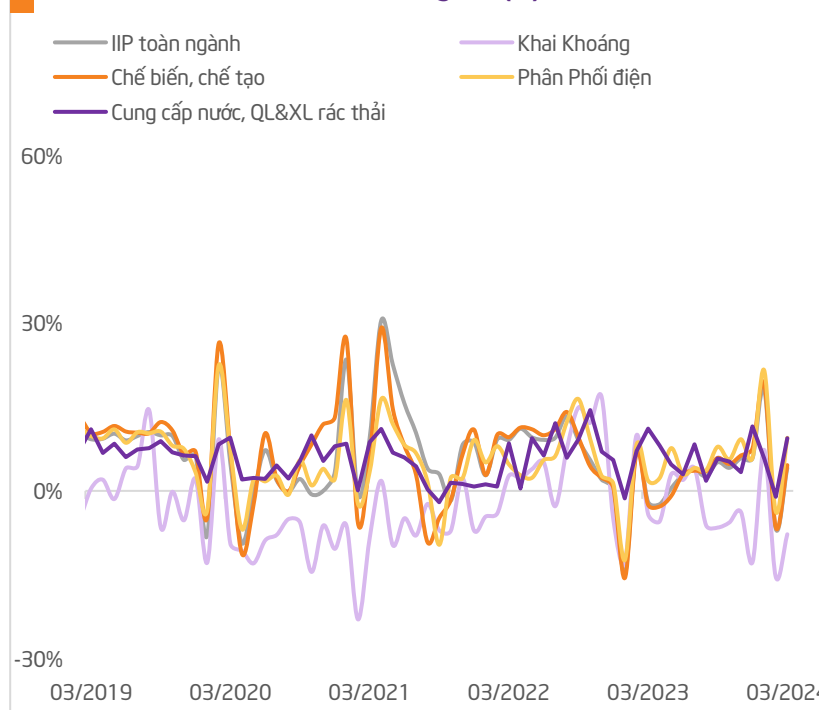
IIP khởi sắc ở hầu hết các nhóm ngành trong quý 1.2024

- IIP tháng 03.2024 tăng gần 20%*mom* và 4.1%*yoy*. Trong đó, IIP ngành khai khoáng giảm 7.8%*yoy*, IIP ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 4.6%*yoy*, IIP ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9.5%*yoy* và IIP ngành cung cấp và quản lý rác thải tăng 9.4%*yoy*. Tính chung quý 1.2024, IIP tăng 5.7%*yoy* (cùng kỳ năm 2023 giảm 2.6%*yoy*). Trong đó, ngành chế biến chế tạo tăng 5.9%*yoy* (cùng kỳ năm 2023 giảm 2.9%*yoy*), đóng góp 5.2 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12.1%*yoy* (cùng kỳ giảm 1.1%), đóng góp 1.1 điểm phần trăm, ngành cung cấp nước và quản lý rác thải tăng 4% (cùng kỳ năm 2023 tăng 5.6%), đóng góp 0.1 điểm phần trăm. Ngoại trừ ngành khai khoáng giảm 4.1% (cùng kỳ năm 2023 giảm 3%, làm giảm 0.7 điểm phần trăm).
- **TPS nhận định:** Những kết quả đầu năm cho thấy lĩnh vực sản xuất của Việt Nam phục hồi khá tích cực kể từ đầu năm 2024. IIP được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới khi thị trường xuất khẩu của Việt Nam phục hồi và lĩnh vực sản xuất của các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam tiếp tục mở rộng (PMI tháng 03 Hoa Kỳ 51.4 và ASEAN 51.5). Tuy nhiên, IIP của Việt Nam tháng tới sẽ không tăng quá mạnh do PMI tháng 03 của Việt Nam đã rơi khỏi ngưỡng 50, báo hiệu sự co nhẹ trong lĩnh vực sản xuất.

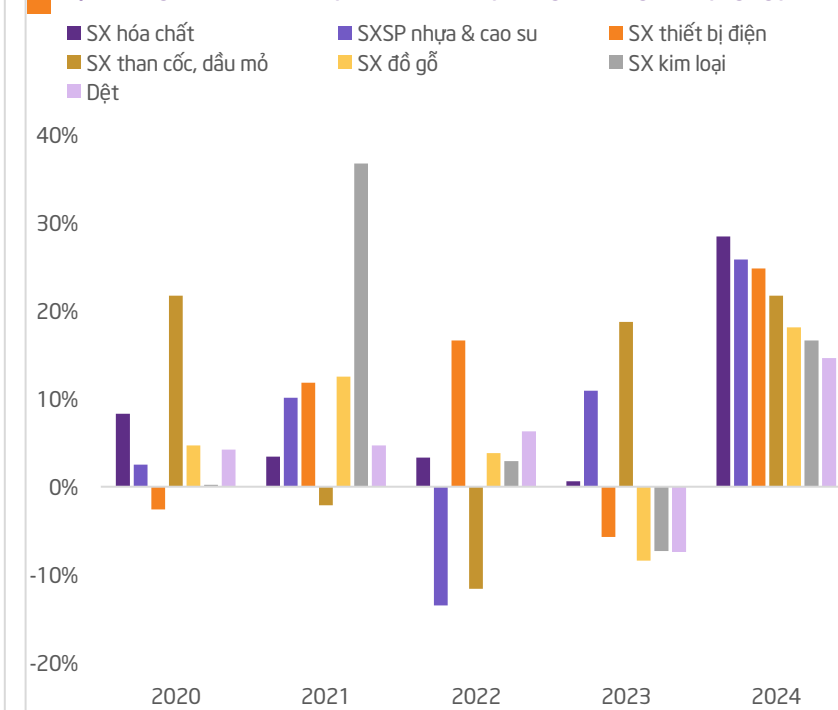
Diễn biến tăng trưởng IIP so với cùng kỳ và tháng trước.



IIP khởi sắc ở hầu hết các nhóm ngành (%)

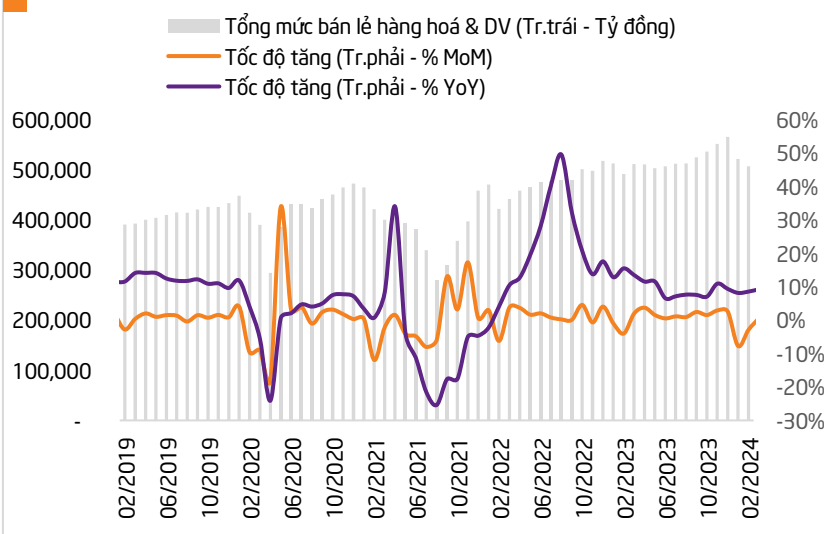


Một số ngành có IIP 3T.(2020 - 2024) tăng trưởng cao (%yoy)

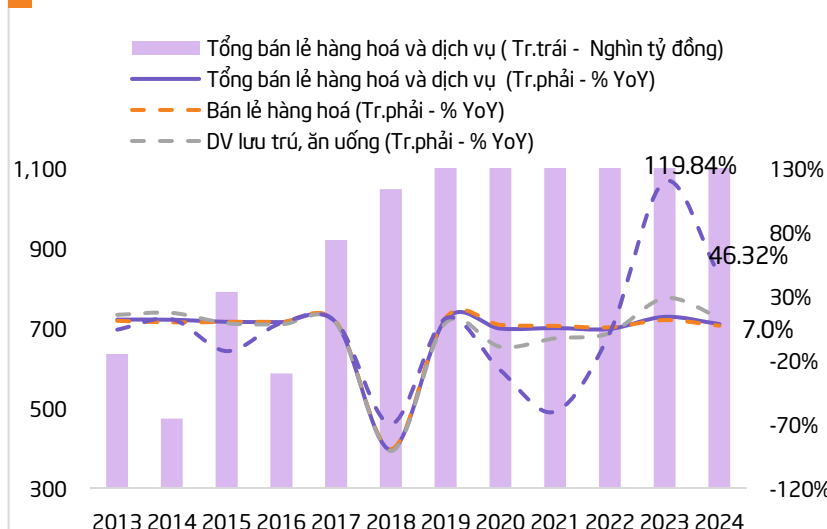


- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 ghi nhận 509,325 tỷ đồng, tăng 0.5%mom và 9.2%yoy. Trong đó, nhóm bán lẻ hàng hóa chiếm 77.1%, tăng 7.6%yoy, nhóm dịch vụ lưu trú & ăn uống chiếm 11.4%, tăng 15,8%yoy, nhóm du lịch lữ hành chiếm 1% và tăng 66.1%yoy. Tính chung quý 1.2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa ghi nhận 1,537.6 tỷ đồng, tăng 8.2%yoy. Trong đó, nhóm bán lẻ hàng hóa tăng 7.0%yoy, nhóm dịch vụ lưu trú & ăn uống tăng 13.4%yoy và nhóm du lịch lữ hành tăng 46.3%yoy.
- Một số nhóm hàng đạt được tốc độ tăng trưởng tiêu dùng cao như: (1) Nhóm vật phẩm văn hóa & giáo dục tăng 17.7%yoy, (2) Nhóm trang thiết bị gia đình tăng 15%yoy, (3) Nhóm lương thực, thực phẩm tăng 11.8%yoy và (4) Nhóm may mặc tăng 8.0%yoy.
- Khách quốc tế đến Việt Nam tháng 03.2024 đạt 1.6 triệu lượt người, tăng 4.4%mom và 78.6%yoy. Tính chung quý 1.2024, khách quốc tế tới Việt Nam đạt 4.6 triệu lượt người, tăng 72%yoy và tăng 3.2% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid19.
- **TPS nhận định:** Hoạt động bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng tiếp tục khởi sắc trong tháng 03, đây là tháng đầu tiên kể từ đầu năm 2024 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thoát tăng trưởng âm so với tháng trước. Trong đó, nhóm du lịch lữ hành ghi nhận tăng trưởng tích cực nhất nhờ sự cải thiện của chính sách thị thực và các chương trình kích cầu du lịch. Trong thời gian tới, hoạt động bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng tốc khi xuất khẩu phục hồi, dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh tạo thu nhập ổn định cho người tiêu dùng. Bên cạnh đó, sự sôi động trở lại của khách quốc tế cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng của nhóm lữ hành, du lịch và nhiều nhóm hàng hóa phục vụ cho du lịch như thực phẩm, đồ uống...

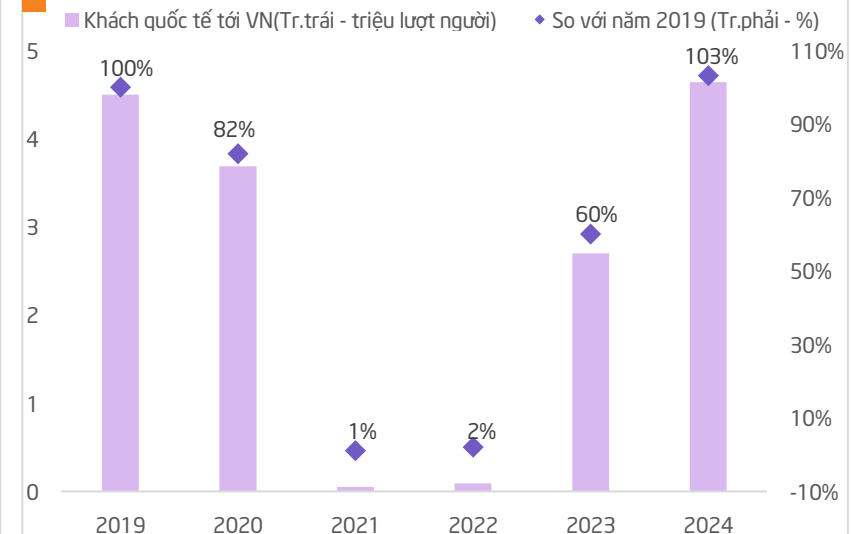
Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



Tổng bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ và tăng trưởng

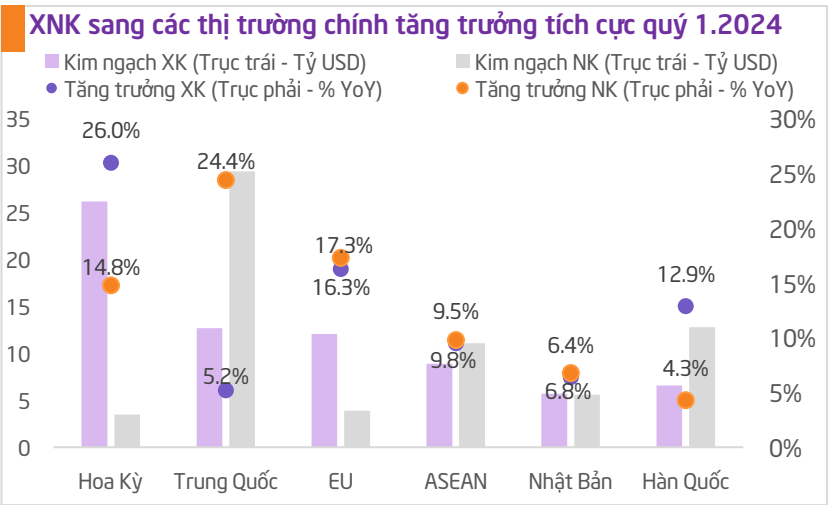
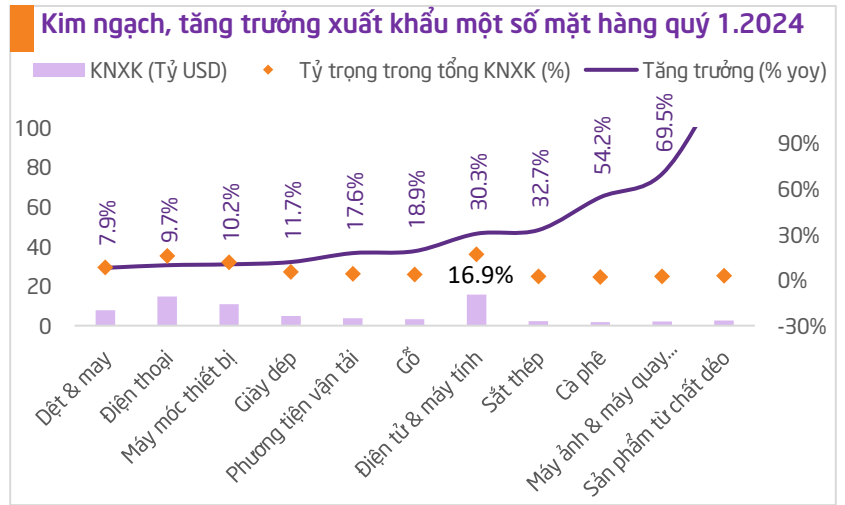
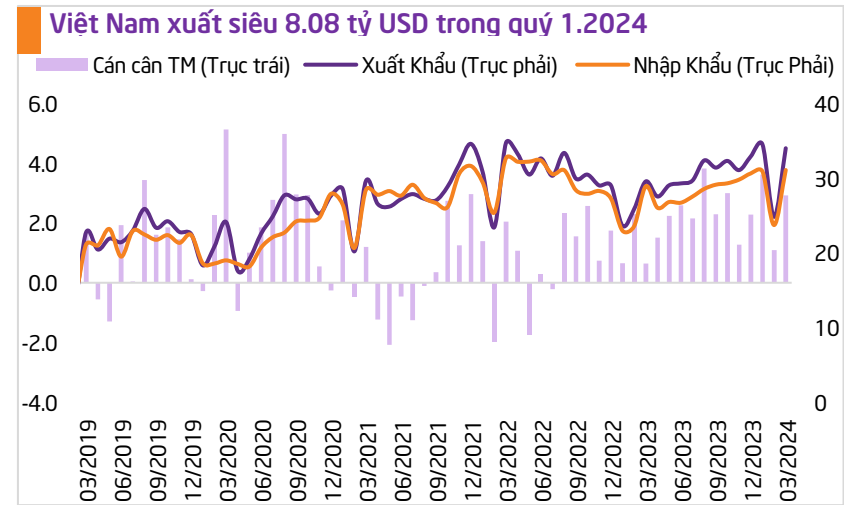


Khách quốc tế tới VN 3T.2024 đạt 103% so với cùng kỳ 2019



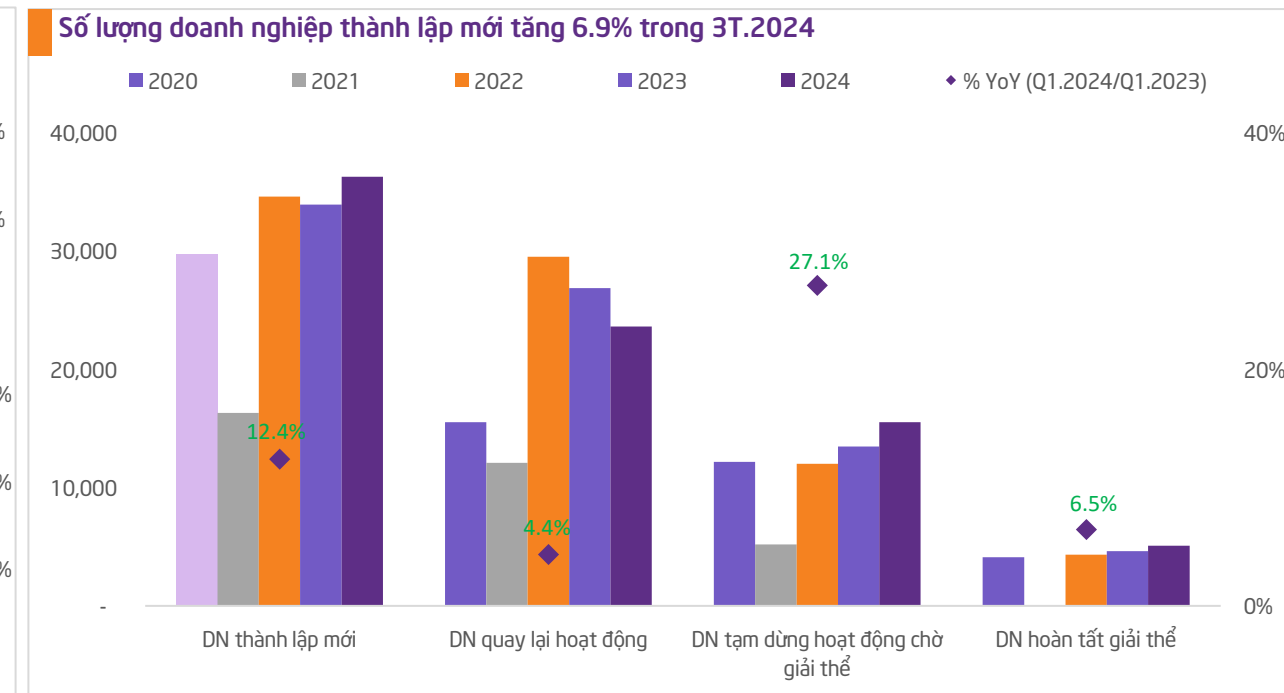
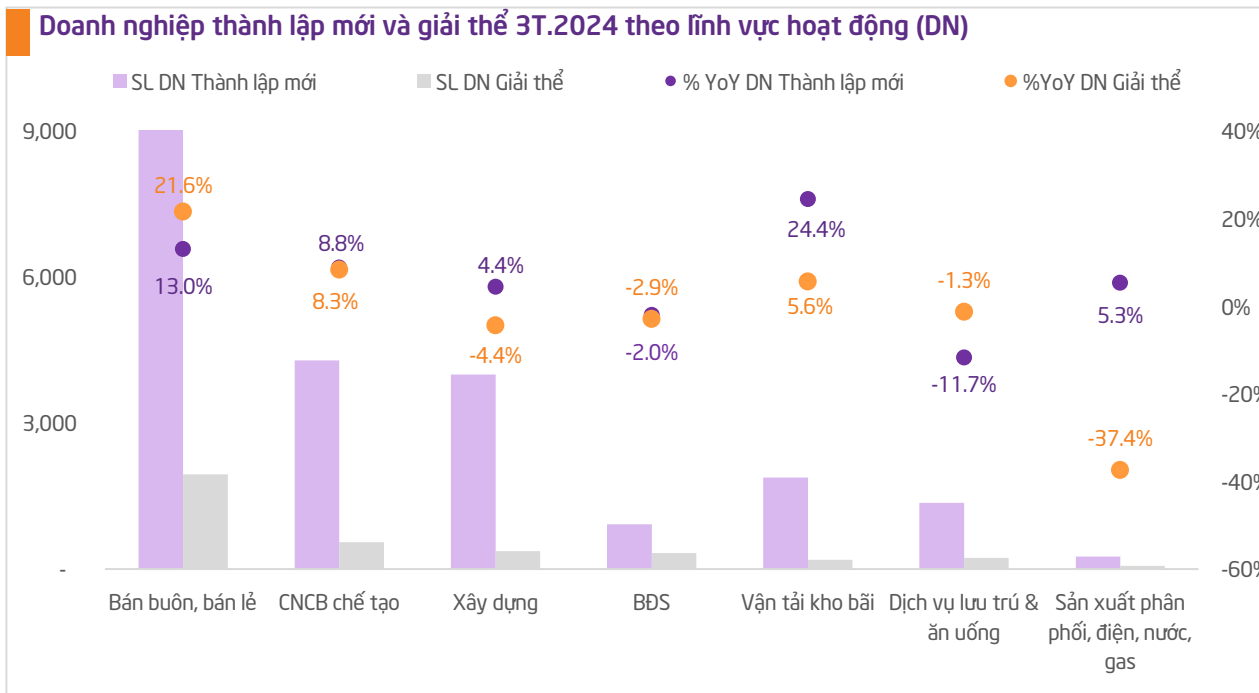
Hoạt động xuất nhập khẩu xuất khởi sắc, quý 1 xuất siêu 8.08 tỷ USD

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 03.2024 ước đạt 34.01 tỷ USD, tăng 37.8%mom và tăng 14.2%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 21.2%yoy, khu vực FDI tăng 11.7%yoy. Tính chung quý 1.2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 93.06 tỷ USD, tăng 17%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 25.21 tỷ USD, tăng 26.2%yoy và khu vực FDI đạt 67.85 tỷ USD, tăng 13.9%yoy. Trong quý 1.2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ đạt 5.67 tỷ USD, tăng 24.7%yoy, trong đó, dịch vụ du lịch chiếm 55.5% tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ, tăng 45.8%yoy, dịch vụ vận tải chiếm 23.8% và tăng 3.8%yoy.
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3.2024 đạt 31.08 tỷ USD, tăng 33.4%mom và 9.7%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 2.9%yoy, khu vực FDI tăng 13.7%yoy. Tính chung quý 1.2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 84.98 tỷ USD, tăng 13.9%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 29.7 tỷ USD, tăng 14.4%yoy và khu vực FDI đạt 55.28 tỷ USD, tăng 13.6%yoy. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ quý 1.2024 đạt 8 tỷ USD, trong đó, dịch vụ du lịch chiếm 29.4%, tăng 67.3% và dịch vụ vận tải chiếm 42.9%, tăng 22.5%
- Cán cân thương mại tháng 3.2024 xuất siêu 2.93 tỷ USD và quý 1.2024 xuất siêu 8.08 tỷ USD. Trong đó, khu vực FDI xuất siêu 12.57 tỷ USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4.49 tỷ USD.
- TPS nhận định:** Mặc dù có sự chậm lại trong tháng 3.2024, tuy nhiên, sự cải thiện về số lượng đơn hàng mới và việc làm trong 2T.2024 đã đóng góp đáng kể vào sự phục hồi của xuất khẩu trong quý 1.2024. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu đều đạt được mức tăng trưởng cao trong quý 1.2024 so với mức nền thấp trong quý 1.2023. Một số mặt hàng ghi nhận tăng trưởng xuất khẩu tích cực như sản phẩm từ chất dẻo (tăng 131.9%yoy), máy ảnh (tăng 69.5%yoy), cà phê (tăng 54.2%yoy), hóa chất (tăng 41.9%yoy), gạo (tăng 40%yoy), sắt thép (32.7%yoy), và đồ điện tử (30.3%yoy). Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đều phục hồi trong quý 1.2024. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tăng 26%yoy, Eu tăng 16.3%yoy, Hàn Quốc tăng 12.3%yoy, ASEAN tăng 9.5% và Nhật Bản tăng 6.4%yoy.



Số doanh nghiệp thành lập mới trong quý 1.2024 cao nhất trong 10 năm gần đây

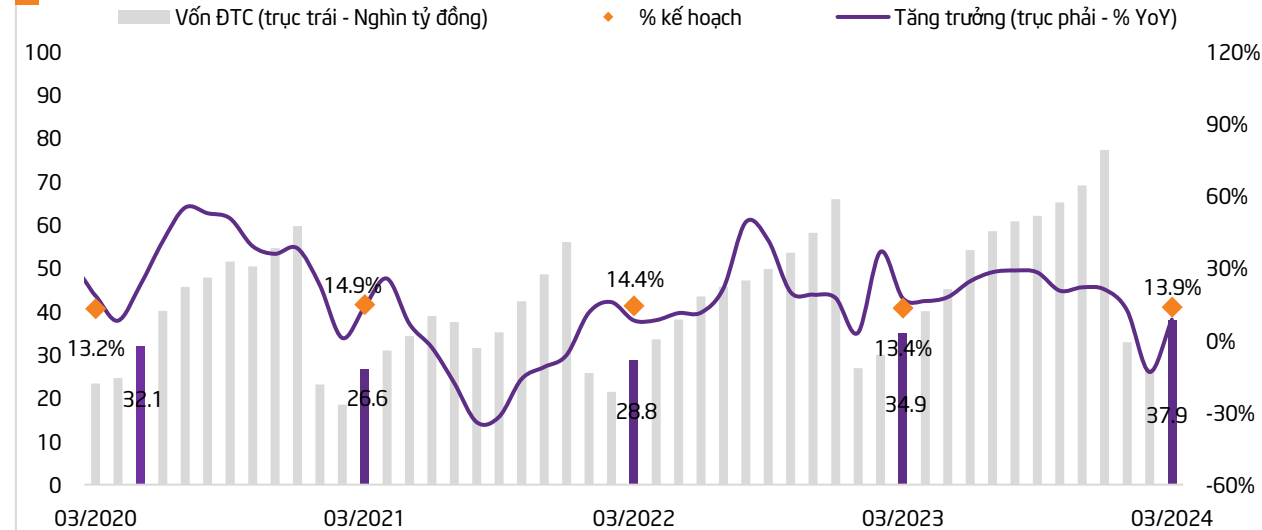
- Trong quý 1.2024, số doanh nghiệp thành lập mới đạt 36,244 doanh nghiệp, tăng 6.9%yoy, đây là số doanh nghiệp thành lập mới quý 1 cao nhất trong 10 năm gần đây. Theo đó, số doanh nghiệp tham gia vào thị trường trong quý 1.2024 là 59,848 doanh nghiệp, tăng 5.1%yoy. Bình quân 1 tháng có gần 20 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động (so với năm 2023: 19 nghìn doanh nghiệp, 2022: 20.1 nghìn doanh nghiệp, 2021: 14.7 nghìn doanh nghiệp, 2020: 14.8 nghìn doanh nghiệp và 2019: 14.5 nghìn doanh nghiệp).
- Trong quý 1.2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 53,365 doanh nghiệp, tăng 24.5%yoy. Theo đó, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường quý 1 ghi nhận 73,978 doanh nghiệp, tăng 22.8%yoy. Bình quân 1 tháng có gần 24.7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.
- TPS nhận định:** Trong quý 1.2024, mặc dù số doanh nghiệp tham gia vào thị trường thấp hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng điều này không có gì đáng lo ngại. Một phần, là do văn hóa của Người Việt Nam thường tạm ngừng các công việc liên quan tới khởi nghiệp trước tết và tăng tốc sau tết nguyên đán. Bên cạnh đó, trong 73,978 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường thì có khoảng 72.1% doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngắn hạn (trong đó, có tới 90% doanh nghiệp có quy mô dưới 10 tỷ đồng và 74% là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ). Trong thời gian tới, khi xuất khẩu tiếp tục phục hồi, thị trường trong nước duy trì tăng trưởng tích cực sẽ thúc đẩy nhiều doanh nghiệp tham gia vào thị trường.



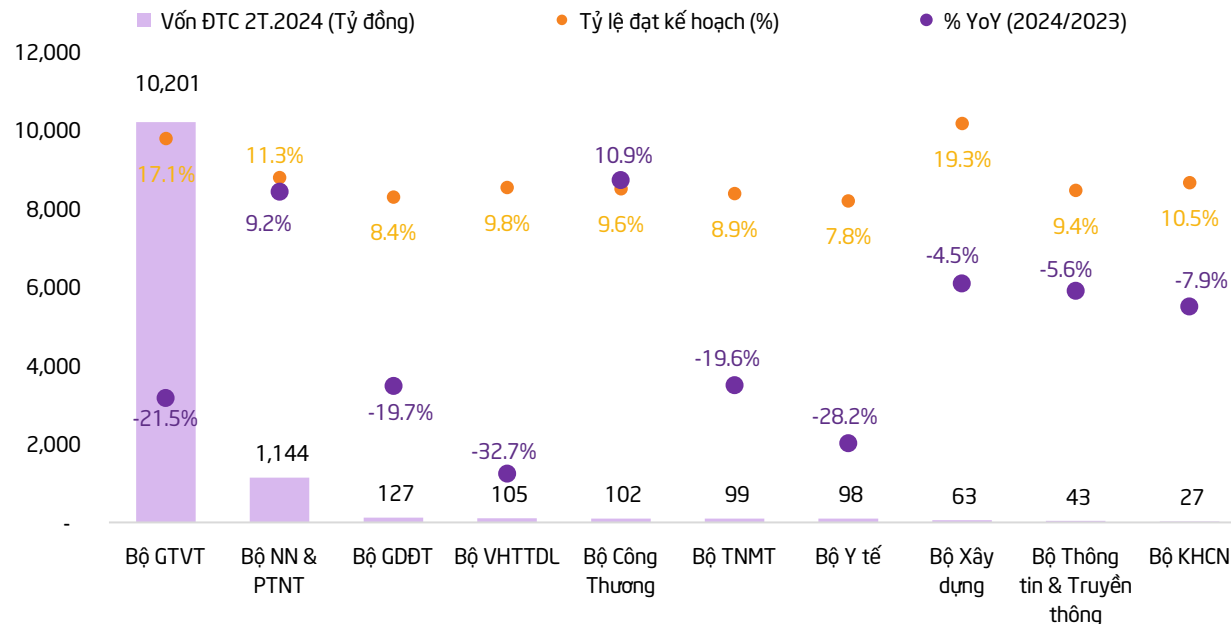
Giải ngân vốn đầu tư công 3T.2024 đạt 13.9% kế hoạch, tăng 3.7%yoy

- Giải ngân đầu tư công quý 1.2024 đạt 97.7 nghìn tỷ đồng, bằng 13.9% kế hoạch và tăng 3.7%yoy (quý 1.2023 bằng 12.9% và tăng 21.6%yoy). Trong đó, vốn ngân sách trung ương quản lý đạt 15.7 nghìn tỷ đồng, bằng 14.2% kế hoạch và giảm 8.1%yoy; vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý đạt 54.8 nghìn tỷ đồng, bằng 13% kế hoạch và tăng 5.8%yoy; vốn ngân sách cấp huyện quản lý đạt 23.6 nghìn tỷ đồng, bằng 15.6% kế hoạch và tăng 8%yoy; vốn ngân sách cấp xã quản lý đạt 3.6 nghìn tỷ, bằng 17.2% kế hoạch và tăng 5%yoy.
- TPS nhận định:** Quý 1.2024 đã ghi nhận tỷ lệ đạt kế hoạch cao hơn so với quý 1.2023. Bên cạnh đó, môi trường vĩ mô của năm 2024 cũng thuận lợi hơn, nên chúng tôi kỳ vọng tốc độ cũng như tỷ lệ đạt kế hoạch của giải ngân vốn đầu tư công năm nay sẽ cao hơn so với năm trước.

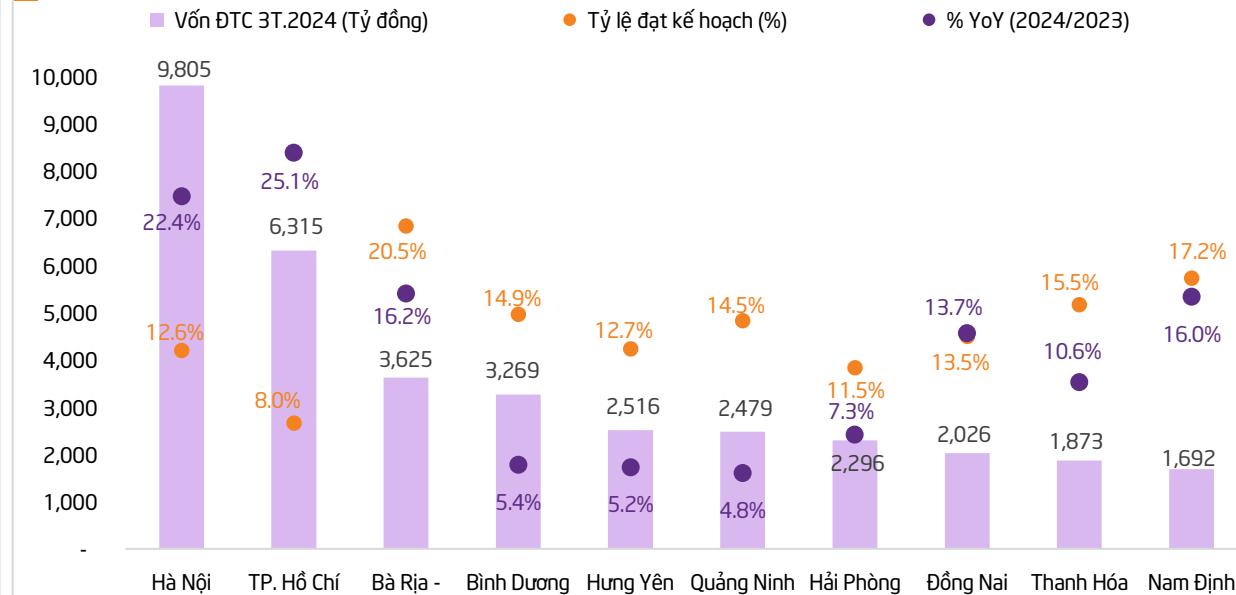
Giải ngân vốn ĐTC hàng tháng giai đoạn 2020 - 2024



Giải ngân vốn đầu tư công 3T.2024 phân theo Bộ, ngành



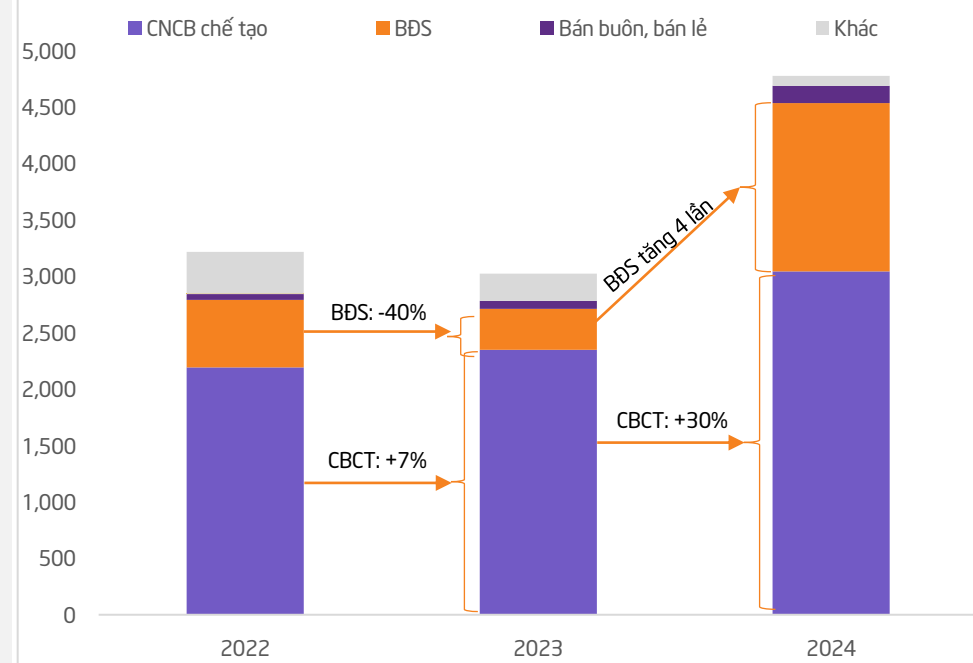
Giải ngân vốn đầu tư công 3T.2024 phân theo địa phương



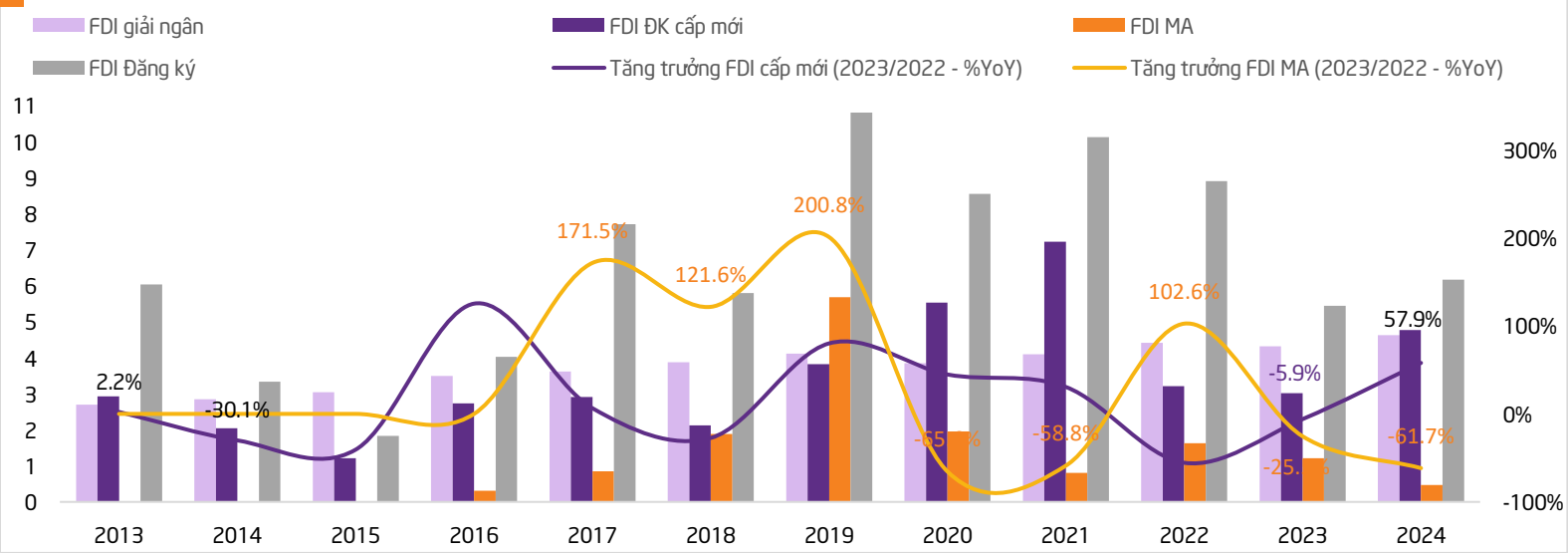
Việt Nam thu hút 6.17 tỷ USD vốn FDI, tăng 13.4%yoy

- Giải ngân FDI quý 1.2024 ước đạt 4.63 tỷ USD, tăng 7.1%yoy, ghi nhận quý 1 thực hiện cao nhất trong 5 năm gần đây. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 3.61 tỷ USD, chiếm 78% tổng FDI thực hiện, bất động sản đạt 460.4 triệu USD, chiếm 9.9% và sản xuất – phân phối điện khí đạt 197.5 triệu USD, chiếm 4.3%.
- FDI đăng ký đạt 6.17 tỷ USD, tăng 13.4%yoy. Vốn đăng ký cấp mới đạt 4.77 tỷ USD, tăng 57.9%yoy. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 3.04 tỷ USD, chiếm 63.7% FDI cấp mới, Bất động sản đạt 1.49 tỷ USD, chiếm 31.2%. Trong 42 quốc gia được cấp phép mới, Singapore chiếm tới 47.8% FDI cấp mới tại Việt Nam.
- **TPS nhận định:** Điểm tích cực trong quý 1.2024 là cả FDI thực hiện và FDI đăng ký tích cực ngay từ đầu năm. Đặc biệt, FDI đăng ký vào nhóm ngành chế biến chế tạo và bất động sản tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước. Khi dòng vốn đăng ký mới được giải ngân trong năm nay và những năm tới, sẽ là động lực lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI chảy nhiều vào Việt Nam, giảm bớt áp lực về tỷ giá, tạo nhiều dư địa hơn cho Chính phủ trong việc điều tiết chính sách tiền tệ và tài khóa.

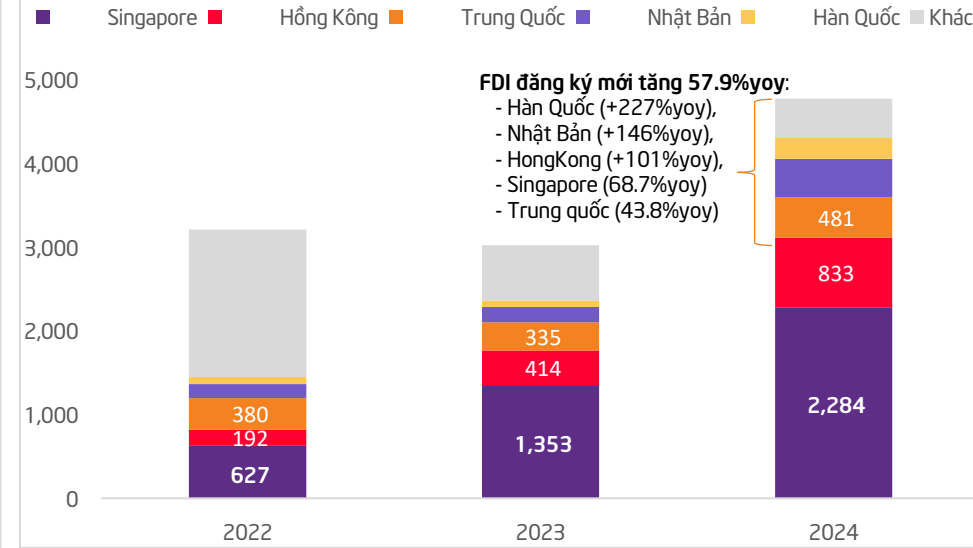
FDI đăng ký mới ngành BĐS 3T.2024 tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ



FDI đăng ký, giải ngân và tốc độ tăng trưởng 3T. (2013 - 2024) (Tỷ USD, %yoy)



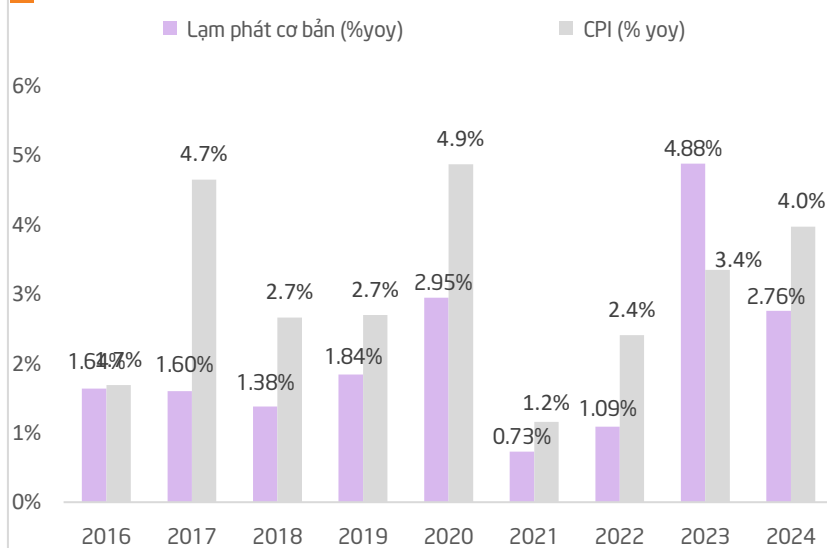
FDI đăng ký mới vào Việt Nam tăng 58%yoy trong quý 1.2024 (Tr.USD)



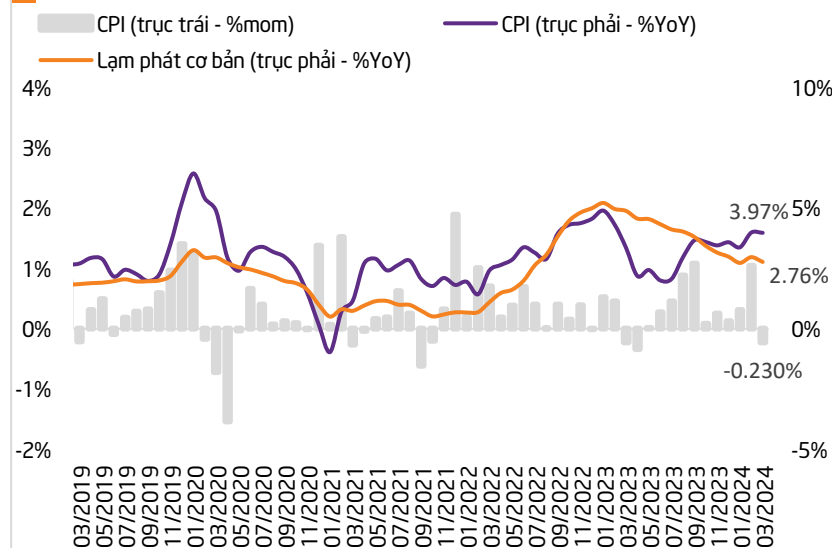
Lạm phát hạ nhiệt dần trong tháng 03

- CPI tháng 03.2024 giảm 0.23%mom và +3.97%yoy. Nguyên nhân giúp lạm phát hạ nhiệt là do giá cả nhiều mặt hàng thường có xu hướng giảm sau khi được tăng cao trong dịp tết, đặc biệt là lương thực – thực phẩm. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, có 7 nhóm hàng giảm giá và 4 nhóm hàng tăng giá. Cụ thể, (1) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0.76%mom, tác động làm CPI chung giảm 0.25 điểm phần trăm), (2) Giáo dục (-0.29%mom), (3) Văn hóa giải trí và du lịch (-0.12%mom), (4) Đồ uống và thuốc lá (-0.07%mom), may mặc, mũ nón và giày dép (-0.06%mom), Giao thông (-0.03%mom) và Bưu chính viễn thông (-0.01%mom).
- Quý 1.2024, CPI tăng 3.77%yoy do giá gạo tăng theo giá gạo xuất khẩu và chỉ số giá một số mặt hàng khác tăng như: nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, giáo dục, thuốc và dịch vụ y tế, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng và nhóm văn hóa, giải trí, du lịch. Ngược lại, nhóm bưu chính viễn thông góp phần kìm hãm sự tăng lên của CPI quý 1.2024.
- Lạm phát cơ bản tháng 3.2024 tăng 0.03%mom, 2.76%yoy và quý 1.2024 tăng 2.81%yoy thấp hơn CPI quý 1.2024 (3.77%) do giá lương thực, xăng dầu, giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.
- TPS nhận định:** Mặc dù lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro đến từ các yếu tố trong nước cũng như toàn cầu. Đối với các yếu tố toàn cầu, lạm phát Hoa Kỳ vẫn cao và tốc độ giảm chậm trong bối cảnh xung đột quân sự giữa Nga – Ukraine và biển đỏ leo thang gây ra nguy cơ tăng giá nhiên liệu cũng như chi phí vận tải gây áp lực cho lạm phát. Về yếu tố trong nước, một số yếu tố đang và sẽ tác động tới lạm phát như: tỷ giá, giá thực phẩm và xăng đang tăng. Bên cạnh đó, quyết định tăng lương vào tháng 7 cũng là yếu tố tác động không tích cực tới lạm phát. Tính tới thời điểm hiện tại, áp lực lạm phát chưa quá cao. Tuy nhiên, quyết định và tiến trình cắt giảm lãi suất của Fed sẽ tác động rất lớn tới tỷ giá, lạm phát và xuất khẩu của Việt Nam.

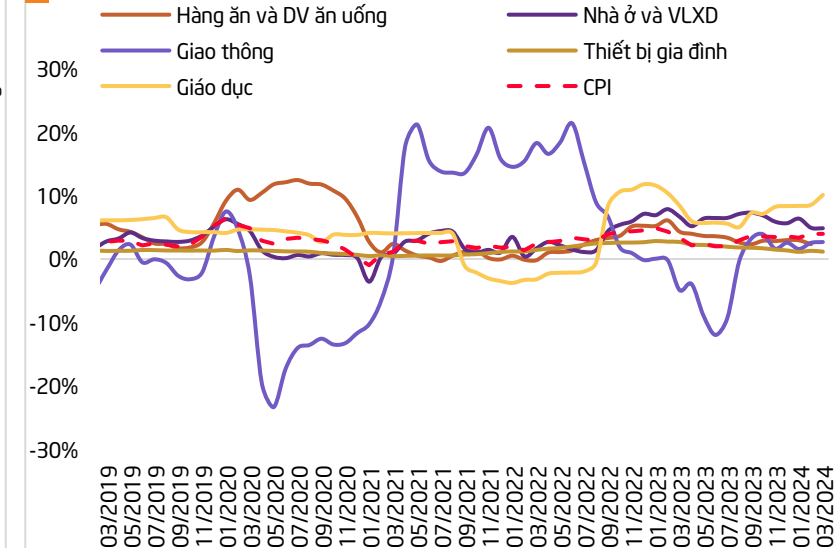
CPI và lạm phát cơ bản 3T.(2016 - 2024)



Diễn biến lạm phát của Việt Nam theo tháng



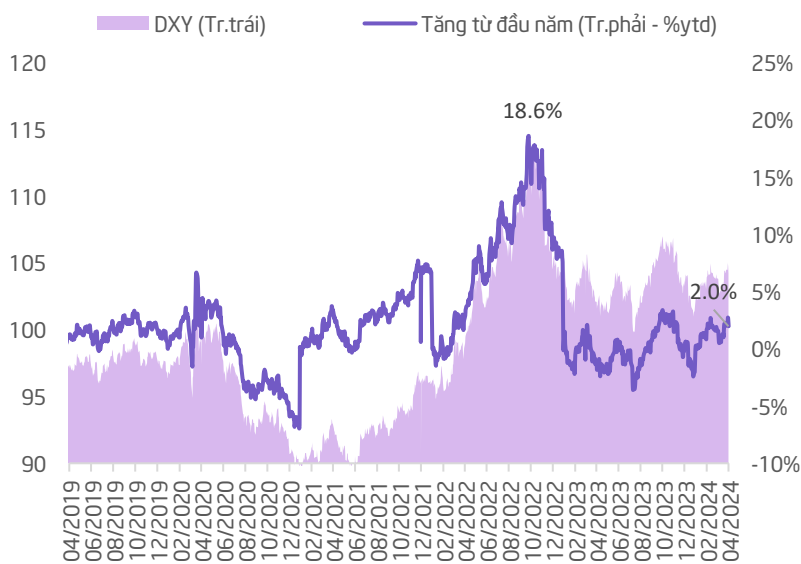
CPI tháng 03 giảm nhẹ



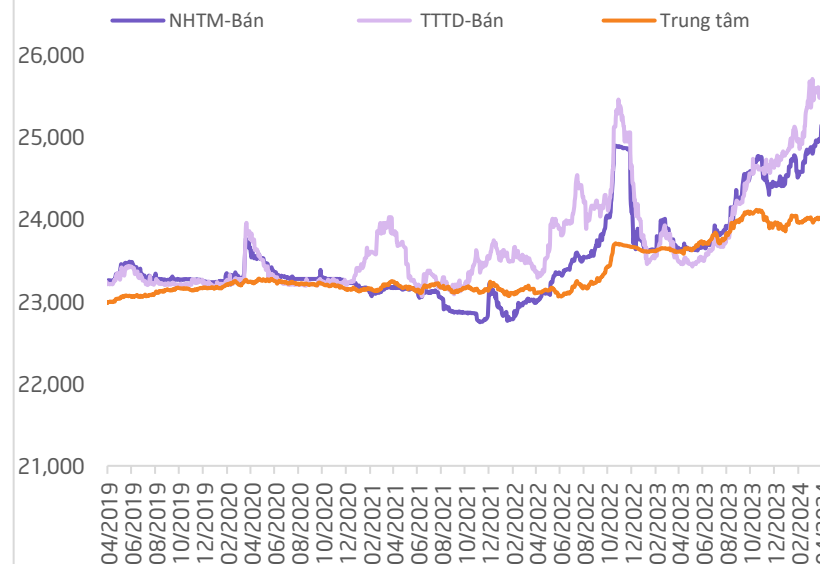
Tỷ giá USD/VND tăng mạnh do đồng USD tăng giá

- Chỉ số DXY chạm ngưỡng 105 vào ngày đầu tháng 4.2024, đây là mức cao nhất kể từ tháng 11/2023 sau khi thông tin tích cực của nền kinh tế Hoa Kỳ được tiết lộ trong bối cảnh tốc độ giảm lạm phát vẫn khá chậm. Cụ thể, chỉ số PMI sản xuất của Hoa Kỳ tháng 3.2024 khá cao và trên ngưỡng 50 (51.9, cho thấy sự mở rộng trong lĩnh vực sản xuất), chỉ số việc làm cũng tăng từ 45.9 lên 47.7 và chỉ số đơn đặt hàng mới cũng tăng từ 49.2 lên 51.4. Trong khi đó, lạm phát tính đến 12/03/2024 vẫn tăng 0.4%mom và 3.2%yoy. Với bối cảnh vĩ mô như vậy sẽ rất khó để thúc đẩy Fed nhanh chóng cắt giảm lãi suất. Khi các nhà đầu tư kỳ vọng Fed sẽ duy trì lãi suất cao trong thời gian dài hơn đã làm cho đồng USD mạnh lên, đẩy chỉ số DXY không ngừng tăng lên.
- Chỉ số DXY và giá vàng tăng đã đẩy tỷ giá USD/VND tăng lên khá cao trong những ngày gần đây, tỷ giá ngân hàng USD/VND vượt mốc 25,000 vào ngày 02/04/2024. Tính đến ngày 04/04/2024, tỷ giá NHTM đã tăng 2.9%ytd, tỷ giá tự do tăng 3.1%ytd và tỷ giá trung tâm tăng 0.7%ytd. Bên cạnh đó, NHNN bất ngờ bơm ròng từ ngày 02/04/2024 cũng gây áp lực lên tỷ giá.
- TPS nhận định:** Với những thông tin tích cực của vĩ mô Hoa Kỳ đang làm giảm sự kỳ vọng Fed sẽ cắt giảm lãi suất trong tháng 6, điều này sẽ gây áp lực lên tỷ giá USD/VND. Hiện tại, áp lực tỷ giá chưa quá cao do dòng USD vào Việt Nam vẫn dồi dào từ kênh xuất khẩu, FDI và kiều hối. Bên cạnh đó, lượng ngoại hối dự trữ của Việt Nam hiện nay khá cao, khoảng 100 tỷ USD vào thời điểm cuối năm 2023. Tuy nhiên, diễn biến của tỷ giá cũng cần được quan tâm khi Fed vẫn chưa rõ ràng về lộ trình cắt giảm lãi suất trong năm.

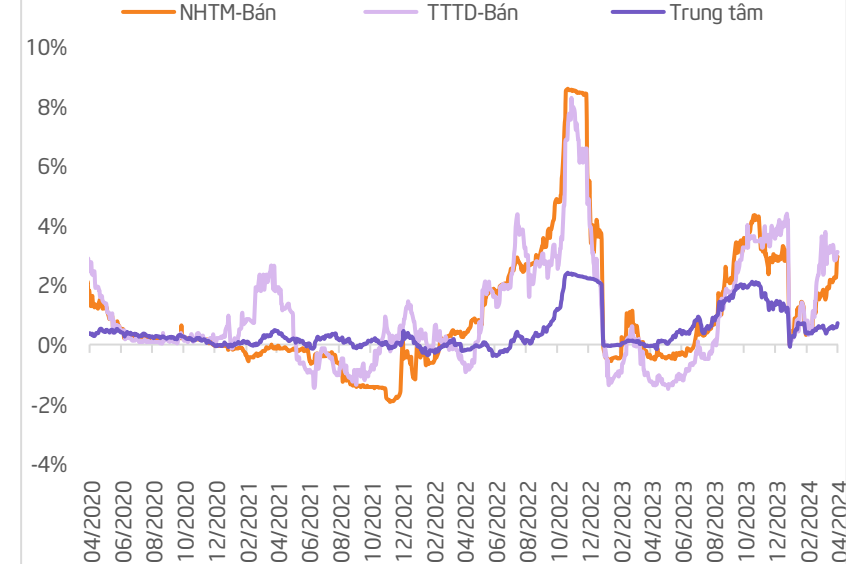
Chỉ số DXY tăng 1.98% so với đầu năm



Tỷ giá ngân hàng vượt mốc 25,000



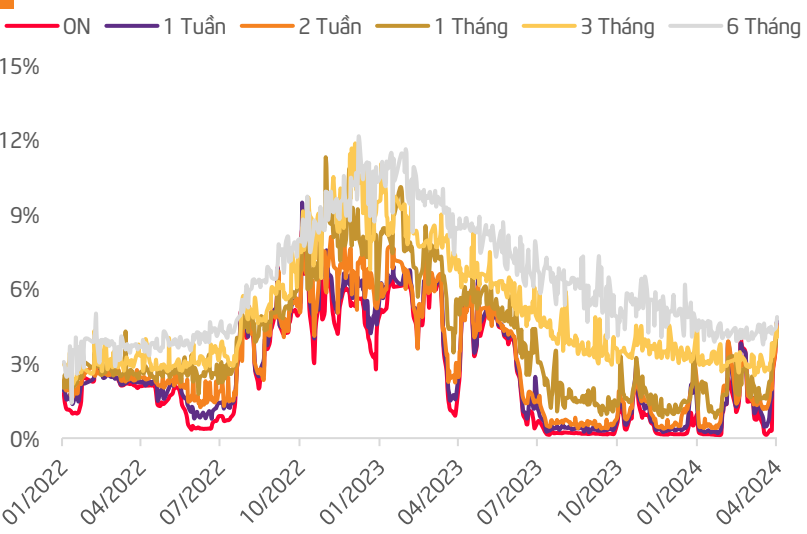
Diễn biến các loại tỷ giá so với đầu năm (%yoy) .



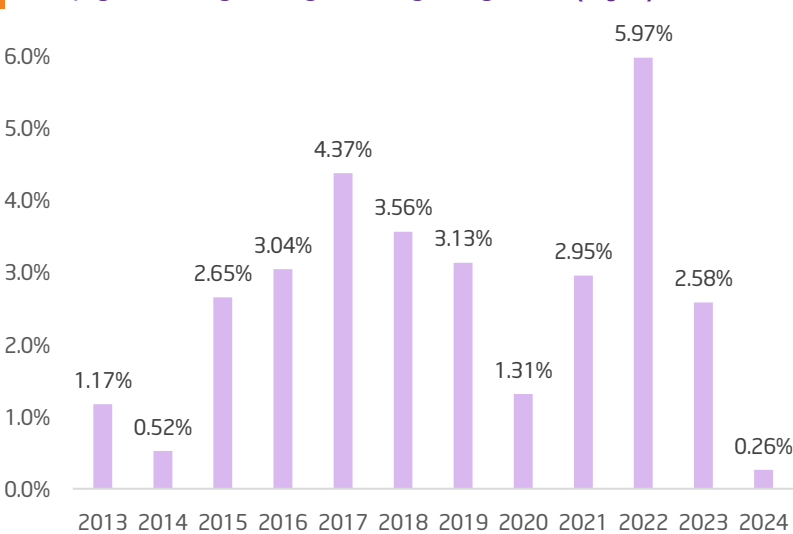
Lãi suất liên ngân hàng tăng khi tín dụng có dấu hiệu phục hồi

- Lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn dưới 1 tháng bất ngờ tăng mạnh vào ngày cuối cùng của tháng 3 sau khi NHNN công bố thông tin tín dụng phục hồi, thoát tăng trưởng âm trong tháng 3. Vì vậy, một số ngân hàng đã tăng nhẹ lãi suất tiền gửi tiết kiệm để đón đầu tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới. Cụ thể, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn O/N tăng từ 0.31% vào ngày 28/03/2024 lên 4.59% vào ngày 03/04/2024 (tăng 4.28 điểm phần trăm), đây là mức cao nhất kể từ giữa tháng 5/2023. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 tuần tăng 1.70% vào ngày 28/03/2024 lên 4.71% vào ngày 03/04/2024 và kỳ hạn 2 tuần tăng từ 1.97% vào ngày 28/03/2024 lên 4.47% vào ngày 03/04/2024.
- Mặt bằng lãi suất vẫn đang duy trì xu hướng giảm và đang tiến dần về mức lãi suất bình quân trong năm 2022. Lãi suất huy động bình quân tháng 2.2024 khoảng 7.15%. Một số ngân hàng duy trì mức lãi suất huy động khá thấp. Ví dụ, lãi suất ngân hàng VCB và Agribank kỳ hạn 12 tháng đang niêm yết mức 4.60%/năm và 4.70%/năm. Trên cơ sở lãi suất huy động khá thấp, lãi suất cho vay cũng đang giảm dần. Mức lãi suất cho vay bình quân hiện tại khoảng 8.80%/năm so với mức 10.45%/năm vào tháng 03/2023.
- **TPS nhận định:** Lãi suất liên ngân hàng tăng lên là do cộng hưởng của một số yếu tố sau: (1) cầu vốn tăng khi các doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sản xuất và kinh doanh sau kỳ nghỉ lễ tết, (2) xuất khẩu và FDI tích cực thúc đẩy các doanh nghiệp mở rộng sản xuất nên vốn cũng được đưa vào sử dụng nhiều hơn, (3) Thu nhập ổn định thúc đẩy tiêu dùng và bất động sản phục hồi cũng thúc đẩy cầu về vốn nhiều hơn, (4) NHNN liên tục hút ròng, (5) Thông tin tăng trưởng tín dụng phục hồi. Trong thời gian tới, khi nền kinh tế ngày càng phục hồi, thì diễn biến lãi suất liên ngân hàng có thể sẽ phức tạp hơn. Tuy nhiên, NHNN vẫn còn nhiều dư địa để điều tiết lãi suất của kênh này.

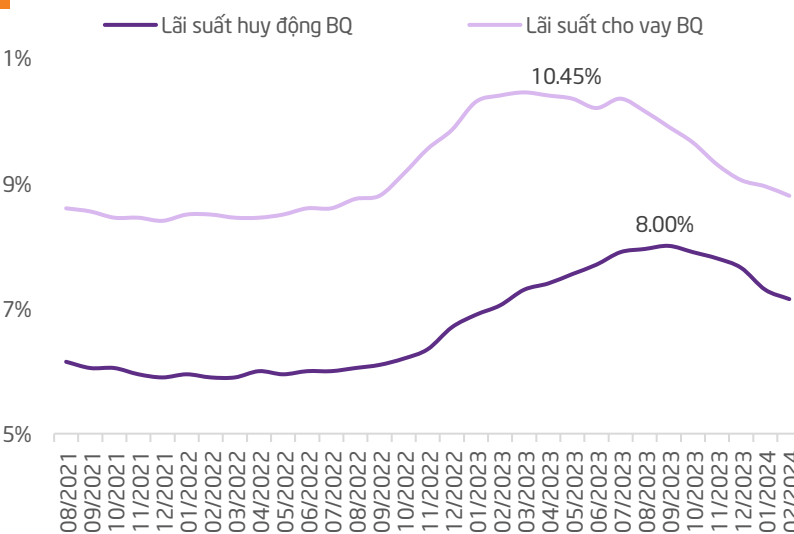
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng(%)



Tín dụng thoát tăng trưởng âm trong tháng 3.2024(%ytd)



Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giảm dần (%ytd)





**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
THÁNG 3/2024 & TRIỂN VỌNG THÁNG 4**

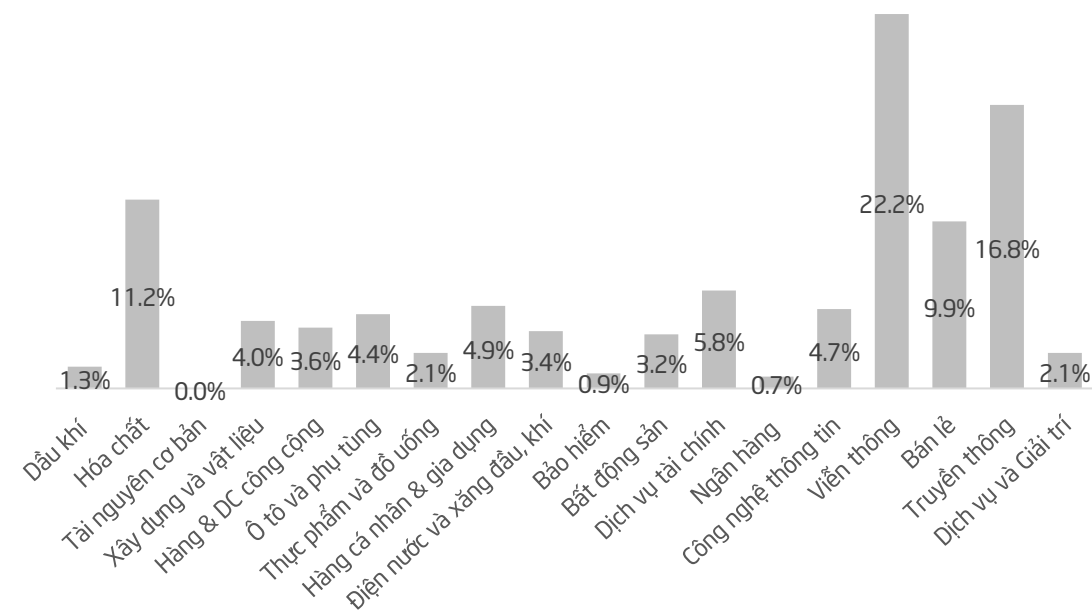
Thị trường ghi nhận sự tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản trong tháng 3

- Nổi tiếp đà tăng điểm mạnh trong tháng 2, tháng 3 tiếp tục ghi nhận một tháng tăng điểm ấn tượng khi VNINDEX tăng 31.36 Điểm (2.5%) với thanh khoản tăng mạnh 19.7% đạt mức trung bình 29,750 tỷ đồng/ngày. Về khối lượng giao dịch bình quân, VNINDEX cũng tăng trưởng lên ngưỡng 16.71 tỷ cổ phiếu vượt xa trung bình của 10 tháng gần nhất là 14.09 tỷ cổ phiếu được giao dịch trong tháng.
- Dòng tiền có sự luân chuyển khá đồng đều giữa các nhóm ngành trong tháng vừa qua. Trong đó, một số nhóm ngành có hiệu suất vượt trội là: Hóa chất, công nghệ, vận tải, dịch vụ tài chính và Ngân hàng. Ngược lại, nhóm ngành Vật liệu xây dựng, Thủy sản, Dầu khí, Xây dựng xây lắp và Điện nước lại có mức tăng giá thấp nhất trong tháng 3. Chúng tôi thấy rằng, hầu hết những ngành có sự tăng giá tốt có thể ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2024 với nền định giá tương đối hấp dẫn.
- Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 có mức tăng chậm lại trong tháng này, trong khi đó nhóm cổ phiếu VNMID và VNSML thể hiện đà tăng trưởng tốt hơn.

Index	29/03 Close	% MOM	% 3M	% YoY	% YTD
VN-Index	1,284.1	2.5%	13.6%	20.6%	13.6%
HNX-Index	242.6	3.0%	5.0%	16.9%	5.8%
UPCOM	91.6	1.0%	5.2%	19.3%	4.4%
VN30	1,296.9	2.5%	14.6%	20.8%	11.2%
VNMID	1,930.1	5.4%	12.3%	48.6%	10.7%
VNSML	1,520.7	5.1%	11.2%	35.8%	10.5%

Đóng cửa phiên 29.03.2024			
VN-INDEX 1,284.09	▲ 2.50% %MOM	P/E 14.85 lần	P/B 1.84 lần
HNX-INDEX 242.58	▲ 3.02% %MOM	P/E 20.02 lần	P/B 1.44 lần

Thay đổi hiệu suất của ngành trong tháng 3.2024



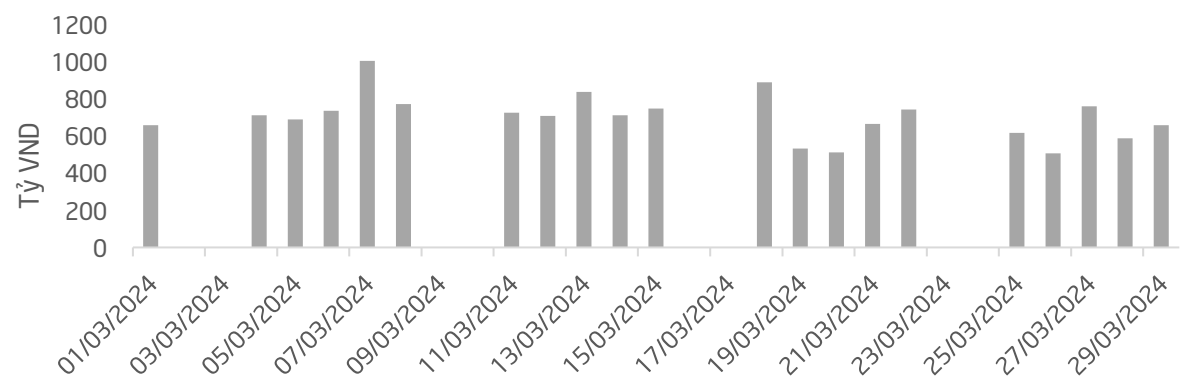
Thị trường ghi nhận sự tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản trong tháng 3

- Thanh khoản đạt mức trung bình 29,750 tỷ đồng/ngày được xem là mức cao kỷ lục và đạt đỉnh kể từ tháng 1/2022 đến nay.
- Sự tham gia tích cực của nhà đầu tư cá nhân trong nước đã cân bằng áp lực chốt lời mạnh mẽ của khối ngoại. Cụ thể, nhóm này đã mua vào hơn 11.1 nghìn tỷ đồng trong tháng 3, nâng mức mua ròng kể đầu năm là 16.2 nghìn tỷ đồng, đánh dấu tháng mua ròng lớn nhất của nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước kể từ tháng 11/2021.

Thanh khoản thị trường				Top cổ phiếu vốn hoá lớn nhất thị trường	
	03.2024	02.2024	%MoM	Mã CK	Market Cap (Tỷ VND)
Thị trường Cơ sở				VCB	524,257
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	1,177	983	19.7%	BIDV	290,722
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	29,750	23,282	27.8%	GAS	187,873
+ Vốn hoá TT (tỷ VND)	6,746,668	6,511,688	4.3%	VHM	187,673
Thị trường Phái sinh				CTG	182,848
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	240,467	166,138	44.7%	VIC	182,580
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	31.5	20.4	5.4%	HPG	174,153
Thị trường Chứng quyền				TCB	164,854
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	66	66	0%	VPB	153,521
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	61.8	60	0.03%	FPT	146,173

Top cổ phiếu tăng mạnh nhất T02.24 HOSE		Top cổ phiếu giảm mạnh nhất T02.24 HOSE	
Mã CK	%MoM	Mã CK	%MoM
PIV	+200%	VCT	-48.39%
HRM	+161.63%	SJC	-42.73%
ICF	+132.14%	AAH	-40.8%
TSD	+112.90%	YTC	-40%
TV6	111.76%	VDT	-40%
CI5	+75%	BWA	-40%
VRC	+68%	TRT	-30.77%
DRI	+47.6%	NEM	-24.53%
DDV	+43%	CAN	-19.65%
VGI	+34.3%	HSV	-19.51%

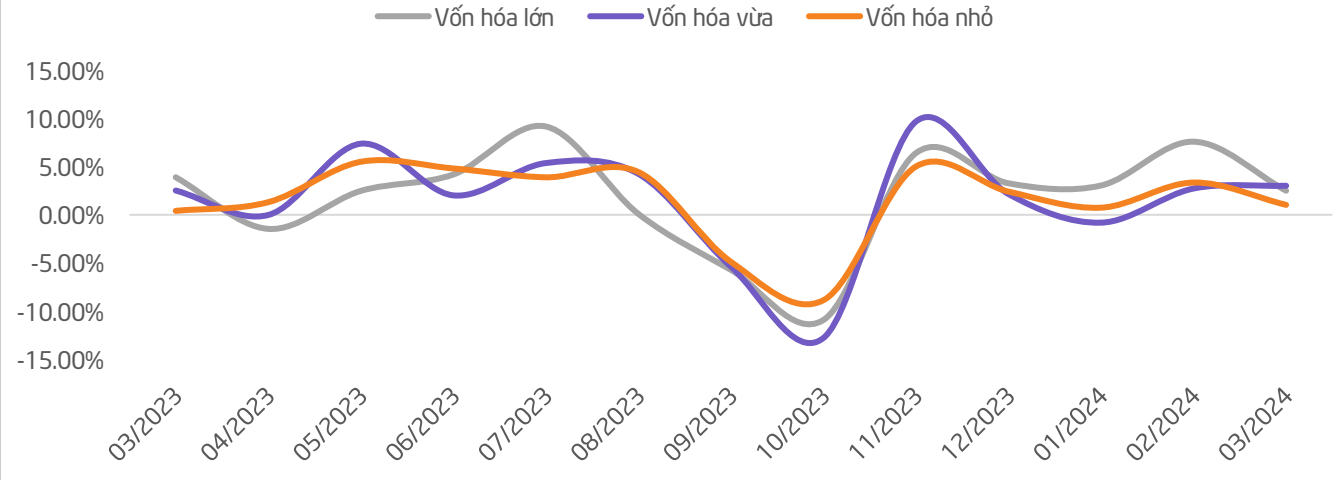
GTGD Trung bình/ phiên



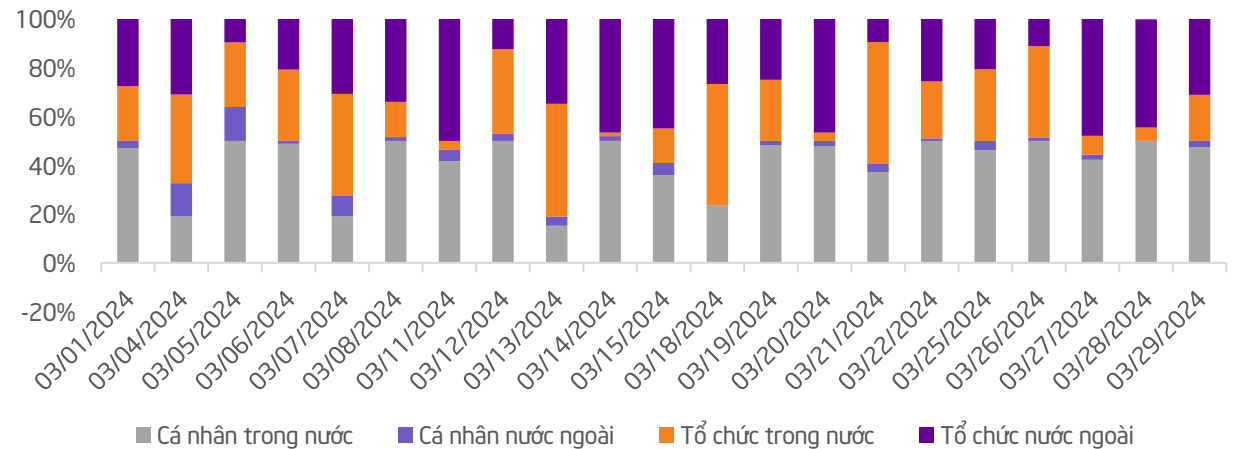
Nhóm vốn hóa lớn vẫn thu hút dòng tiền nhưng phân hóa vào cuối tháng

- Tính từ đầu năm 2024 cho đến nay, thị trường ghi nhận nhóm vốn hóa lớn VN30 tăng điểm mạnh mẽ nhất đạt gần 11.2%, cao hơn con số 10.7% của nhóm vốn hóa vừa và 10.5% của nhóm vốn hóa nhỏ.
- Điều này cũng thường xuất hiện mỗi khi VNINDEX ở trong giai đoạn tăng giá mạnh. Bởi nhóm vốn hóa lớn sẽ ảnh hưởng nhiều nhất đến điểm số của thị trường, thêm vào đó nhóm này cũng thường tập trung các cổ phiếu an toàn, có thể đầu tư trung và dài hạn.
- Tuy nhiên, xét trên đồ thị tăng trưởng chỉ số, nhóm vốn hóa lớn có dấu hiệu giảm giá trong tháng 3. Nguyên nhân bởi dòng tiền có dấu hiệu phân hóa vào giai đoạn cuối tháng khiến cho chỉ số bị suy giảm đáng kể.
- Đối với VNINDEX – chỉ số này đang có dấu hiệu điều chỉnh trong tháng 4. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các nhóm vốn hóa đặc biệt là nhóm vốn hóa lớn. Nếu VNINDEX bắt đầu xu thế điều chỉnh, dòng tiền sẽ chảy ra khỏi nhóm vốn hóa lớn và tìm cơ hội đầu cơ ở các nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ - là nơi có nhiều cơ hội và có mức sinh lời hấp dẫn hơn.
- Sau khi kết thúc giai đoạn điều chỉnh, thị trường sẽ có những cơ hội tốt để đầu tư ở những cổ phiếu trong nhóm vốn hóa lớn.

% Thay đổi chỉ số của các nhóm vốn hóa hàng tháng



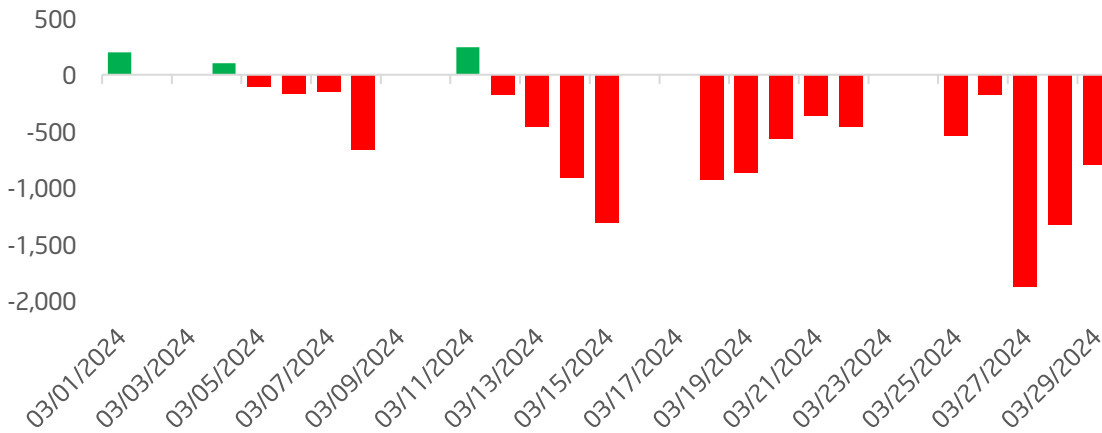
Cơ cấu Nhà đầu tư trong tháng 3/2024 theo GTGD



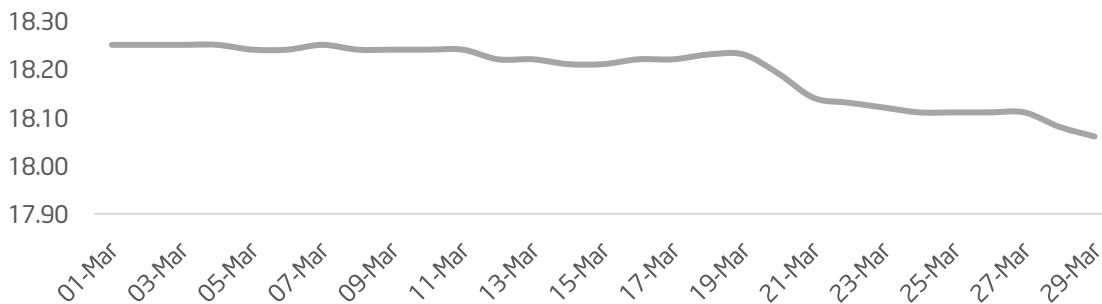
Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong tháng 3

- Tháng 3 tiếp tục đánh dấu tháng bán ròng mạnh mẽ của khối ngoại, khối này đã bán trên diện rộng các cổ phiếu của nhiều ngành với giá trị giao dịch rất lớn. Qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống mức thấp nhất trong năm nay. Tuy nhiên mức giảm này là không nhiều, tính từ đầu năm đến 29/3 khối ngoại chỉ giảm 0.18% tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Lý giải nguyên nhân của tình trạng trên phần lớn đến từ việc (1) chênh lệch lãi suất Việt Nam và Mỹ; (2) Áp lực tỷ giá tăng cao. Dù Chính phủ đã có những biện pháp nhằm hạ nhiệt nhưng nhìn chung lực bán này vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.
- Chúng tôi nhận thấy nhiều khả năng phải chờ tới Quý 2/2024 Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) mới bắt đầu lộ trình cắt giảm lãi suất, do đó chúng tôi cho rằng câu chuyện chênh lệch lãi suất Việt Nam và Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài và động thái bán ròng của khối ngoại sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới.

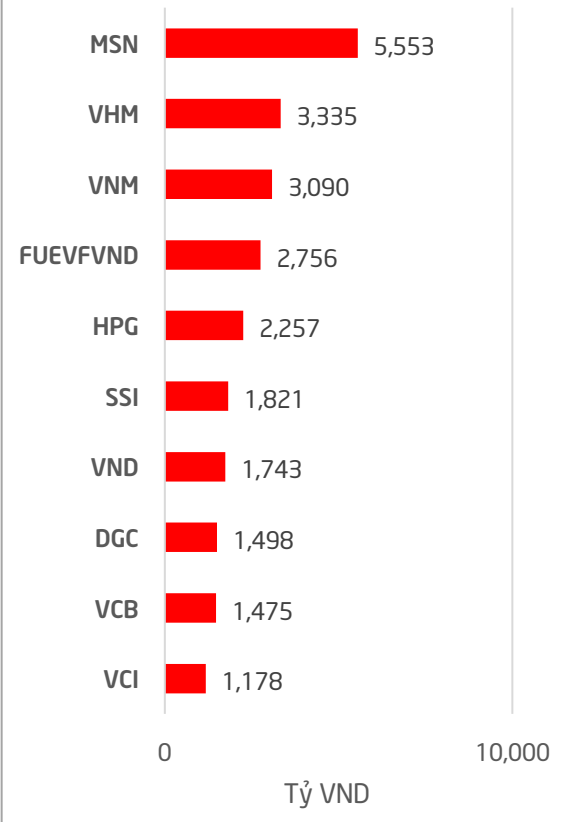
GTGD ròng của khối ngoại (tỷ đồng)



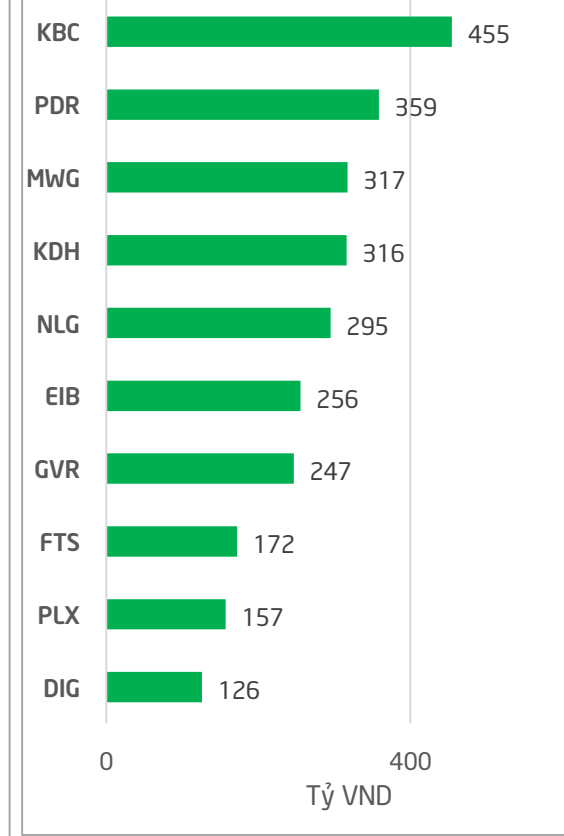
Sở hữu nước ngoài (%)



Top cổ phiếu khối ngoại bán ròng



Top cổ phiếu khối ngoại mua ròng



- Giai đoạn tăng trong đầu tháng 3 có được sức mạnh tốt nhưng bắt đầu suy yếu dần ở thời điểm cuối tháng. Xét về phân tích kỹ thuật, chúng ta có thể thấy những điểm sau:
- **EMA:** Các đường EMA ngắn hạn đã có dấu hiệu giao cắt nhau. Điều này cho thấy xu hướng ngắn hạn của thị trường có thể sẽ xác nhận thay đổi sang hướng tiêu cực hơn trong thời gian tới. Vùng giá tiếp theo mà thị trường đang hướng tới là vùng giá 1230 điểm – Vùng đáy được tạo vào ngày 12/3.
- **MACD:** 2 đường signal và MACD đã giao cắt nhau và đi xuống bắt đầu từ ngày 29/3, cột histogram cũng chuyển về vùng âm vào cùng ngày. Điều này thể hiện cả 2 chỉ báo nhanh và chậm của đường MACD đã thay đổi xu thế. Thêm một chỉ báo nữa đang cảnh báo VNINDEX đang đi vào nhịp điều chỉnh.
- Nếu nhìn xa hơn tại đồ thị tuần, xu hướng tăng dài trong vài tháng qua đang tạo **phân kỳ âm trên RSI** khi giá xác lập cao hơn nhưng đỉnh RSI cao không tương xứng. Như vậy chúng ta có rất nhiều dấu hiệu ở ngắn hạn và cả trung hạn đang cho thấy nhịp điều chỉnh có khả năng xảy ra. Tuy nhiên, sau một đợt tăng dài từ tháng 10/2023 thì một nhịp điều chỉnh là điều cần thiết để thị trường hạ nhiệt, làm mềm các chỉ báo hiện đang ở những ngưỡng rất cao như RSI trên đồ thị tuần, MACD trên đồ thị tuần vv... nhịp điều chỉnh này là cần thiết cho thị trường trong thời điểm hiện tại. Vùng giá mà chúng ta chờ đợi sẽ là vùng hợp lưu của EMA và vùng hỗ trợ của VNINDEX (vùng 1215 – 1230 điểm). Nếu VNINDEX về vùng giá này chúng ta có thể xem xét giải ngân và chúng tôi nhận định đây sẽ là vùng mua trong cả trung hạn cho các NĐT ưa thích nắm giữ. Với phân tích trên, chúng tôi đưa ra nhận định sẽ có 2 kịch bản có thể xảy ra trong tháng 4/2024:
- **Kịch bản tích cực (khả năng xảy ra: 40%):** Thị trường giữ được giá, nhưng vẫn sẽ có những phiên giảm về vùng giá 1230 – 1240 điểm. Với kịch bản này VNINDEX sẽ nhận được động lực tăng giá từ nhóm vốn hóa lớn, thanh khoản giao dịch trong các phiên phải nằm trên mức trung bình 20 phiên gần nhất đối với đồ thị ngày để đảm bảo tính ổn định của xu thế. Với kịch bản tích cực thì VNINDEX sau khi nhúng xuống vùng hỗ trợ có thể nhanh chóng lấy lại được sức mạnh và trở lại vùng giá 1300 điểm. Xa hơn vùng 1300 điểm, đà tăng của thị trường sẽ ổn định hơn bởi các kháng cự ở vùng giá này ít hơn. Sức mạnh của thị trường khi vượt vùng giá 1300 điểm sẽ quyết định độ bền của xu hướng tăng tiếp đó.
- **Kịch bản trung tính (khả năng xảy ra: 60%):** Thị trường trượt dần về 1230 điểm và có thể rơi về những vùng giá thấp hơn. Thanh khoản giao dịch trong kịch bản này không cao bởi tâm lý nhà đầu tư thường trở nên thận trọng hơn. Với kịch bản này, NĐT sẽ chờ mua ở những vùng hỗ trợ dưới như 1230 và 1215 điểm (thấp nhất là vùng 1180 điểm). Đây là vùng mua chúng tôi đánh giá là hấp dẫn cho cả ngắn hạn và trung hạn.

Dự báo các kịch bản của VNINDEX tháng 4/2024

Kịch bản tích cực

1,270 - 1,310 / 1350

Kịch bản trung tính

1,230 - 1,215 / 1180

Chỉ số VNINDEX · 1W ○ 1282.37 H1288.99 L1253.56 C1255.11 -28.98 (-2.26%)

▼ 3



Chiến lược đầu tư cho tháng 4/2024

Tháng 4 theo các chu kỳ giao dịch hàng năm thường không có những biến động quá lớn. Chúng ta ghi nhận tổng 6 lần tăng và 6 lần giảm của VNINDEX trong tháng 4 từ năm 2011 cho đến nay. Chúng tôi dự đoán sẽ có một tháng giao dịch với biên độ biến động thấp chủ yếu sẽ là xu hướng tích lũy để thị trường củng cố lại động lực tăng điểm.

Câu chuyện đầu tư trong tháng 4 này, chúng tôi tập trung vào các ngành như:

Hóa chất: Giá nguyên liệu đầu vào như than, dầu khí dự báo sẽ duy trì ổn định trong năm 2024 giúp các công ty sản xuất phân bón có thể cải thiện biên lợi nhuận. Ngoài ra, các công ty sản xuất phân bón cũng đang triển khai việc xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài như EU, Úc...điều này giúp các doanh nghiệp có thêm thị trường tiêu thụ mới cũng như giải quyết tình trạng dư thừa nguồn cung.

Bán lẻ: Lợi nhuận các doanh nghiệp bán lẻ đã bắt đầu phục hồi từ quý 3 - 4/2023. Tính đến tháng 3/2024, chỉ số tăng trưởng bán lẻ cải thiện cho thấy nhu cầu tiêu dùng tiếp tục hồi phục. Ngoài ra, chỉ số lạm phát đang có xu hướng giảm giúp thu nhập khả dụng của người dân tăng lên. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất ở mức thấp giúp kích thích tín dụng tiêu dùng. Qua đó, thúc đẩy doanh thu của các nhà bán lẻ.

Thép: Nhu cầu tiêu thụ thép trong nước sẽ phục hồi trong năm 2024 do ngành bất động sản có tín hiệu khởi sắc và Chính phủ đẩy mạnh các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông. Bên cạnh đó, lợi nhuận của các doanh nghiệp thép cũng kỳ vọng sẽ tăng trưởng tích cực trong 1H2024 từ mức nền thấp của năm trước nhờ sản lượng tiêu thụ thép được cải thiện.

Economic Watch

Friday, April 5, 2024

Mỹ - Bảng Lương Phi Nông Nghiệp

Wednesday, April 10, 2024

Mỹ - Biên Bản Họp của Ủy Ban Thị Trường Mở Liên Bang

Tuesday, April 16, 2024

Trung Quốc - Tổng Sản Phẩm Quốc Nội (GDP) YoY

Thursday, April 18, 2024

Mỹ - Chỉ Số Sản Xuất Fed Philadelphia

Tuesday, March 23, 2024

Mỹ - Chỉ Số Quản Lý Thu Mua (PMI) - Sản Xuất

Monday, April 29, 2024

Công bố tình hình KTXH, tháng 4

Tuesday, April 30, 2024

Hạn chót công bố BCTC Q1/24, Hạn cuối tổ chức ĐHĐCĐ TN 2024

Tỷ suất lợi nhuận của Vnindex theo hàng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2011	5%	-10%	0%	4%	-12%	3%	-6%	5%	1%	-2%	-10%	-8%
2012	10%	9%	4%	7%	-9%	-2%	-2%	-4%	-1%	-1%	-3%	10%
2013	16%	-1%	3%	-3%	9%	-7%	2%	-4%	4%	1%	2%	-1%
2014	10%	5%	1%	-2%	-3%	3%	3%	7%	-6%	0%	-6%	-4%
2015	6%	3%	-7%	2%	1%	4%	5%	-9%	0%	8%	-6%	1%
2016	-6%	3%	0%	7%	3%	2%	3%	3%	2%	-1%	-2%	0%
2017	5%	2%	2%	-1%	3%	5%	1%	0%	3%	4%	13%	4%
2018	13%	1%	4%	-11%	-8%	-1%	0%	3%	3%	-10%	1%	-4%
2019	2%	6%	2%	0%	-2%	-1%	4%	-1%	1%	0%	-3%	-1%
2020	-3%	-6%	-25%	16%	12%	-5%	-3%	10%	3%	2%	8%	10%
2021	-4%	11%	2%	4%	7%	6%	-7%	2%	1%	8%	2%	1%
2022	-1%	1%	0%	-8%	-5%	-7%	1%	6%	-12%	-9%	2%	-4%
2023	10%	-8%	4%	-1%	2%	4%	9%	0%	-6%	-11%	6%	3%
2024	3%	8%	3%									

Cổ phiếu có cơ hội đầu tư theo tín hiệu PTKT

Phần lớn các cổ phiếu đã khuyến nghị đều có điểm mua ở cuối tháng 3. Trước những biến động giá khó lường của tháng 4 tới đây, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể tiếp tục mua vào nếu các cổ phiếu này chưa vượt qua vùng hỗ trợ.

STT	Mã CP	Giá hiện tại	Vùng mua	Giá mục tiêu	% Lợi nhuận dự tính	Hỗ trợ	Kháng cự	Trạng thái
1	QNS	49	50	54	9%	44	50	Khuyến nghị ngày 26/3
2	HCM	28.2	29.5	33	10%	27	29	Khuyến nghị ngày 27/3
3	MWG	51	50	56	11%	50	58	Khuyến nghị ngày 26/3
4	PVB	26.1	24	28	15%	24	28	Khuyến nghị ngày 1/4
5	DGC	119.7	109	150	37%	115	131	Khuyến nghị ngày 8/4
6	NVL	18.3	18	22	22%	14.5	18	Khuyến nghị ngày 8/4
7	VCI	49.7	48	58	20%	44	54	Khuyến nghị ngày 8/4
8	HSG	22.6	22	26	18%	20	27	Khuyến nghị ngày 8/4

Luận điểm đầu tư:

Xu thế: DGC hiện đang giữ được xu hướng tăng từ đầu năm cho đến nay. Thời gian gần đây, DGC đã có xu hướng yếu đi trong ngắn hạn, NĐT có thể chờ mua trong giai đoạn tới

Phân tích kỹ thuật:

Giá đang được hỗ trợ tốt bởi 2 đường EMA. EMA hiện tại chưa có xu hướng giao cắt nhau cho thấy xu thế hiện tại vẫn ổn định.

Chỉ báo MACD đang có nhiều dấu hiệu tích cực hơn khi histogram chuyển sang đỏ nhạt 4 phiên gần đây cho thấy bên mua đã suy yếu. 2 đường MACD và signal cũng đang có dấu hiệu ngóc lên và giao cắt với nhau.

Theo như lý thuyết sóng, chúng ta vẫn đang ở trong giai đoạn sóng 3 (sóng tăng), chúng tôi kỳ vọng vào việc DGC có thể đạt ngưỡng fibo 1.618 tương đương với vùng giá 150.

Giá hiện tại: 119.7

Giá mục tiêu: 150

Vùng mua: Mua khi vượt 131 hoặc Mua khi giá chạm 109.

Hỗ trợ: 115

Kháng cự: 131

Giá cắt lỗ: 110



Luận điểm đầu tư:

Novaland đã hình thành giao động hộp bắt đầu từ tháng 12/2023 cho đến nay. Thanh khoản trong giai đoạn hiện tại đang có xu hướng tăng nhẹ, chúng tôi kỳ vọng giá có thể phá vỡ vùng hộp này và bắt đầu một xu thế mạnh mẽ mới.

Phân tích kỹ thuật:

Giao động hộp được NVL hình thành vào khoảng giữa tháng 12, giá đã có 3 lần chạm về vùng 16 (đáy hộp), và đã 2 lần chạm lên ngưỡng giá 18 (đỉnh trên của hộp).

Ngoài thanh khoản có cải thiện hơn thì NVL vẫn còn đang yếu về xu thế. Cũng bởi xu thế hiện đang là sideway nên các chỉ báo nhanh như cổ histogram, EMA, RSI đều nằm ở ngưỡng trung tính.

Giá hiện tại: 18.3

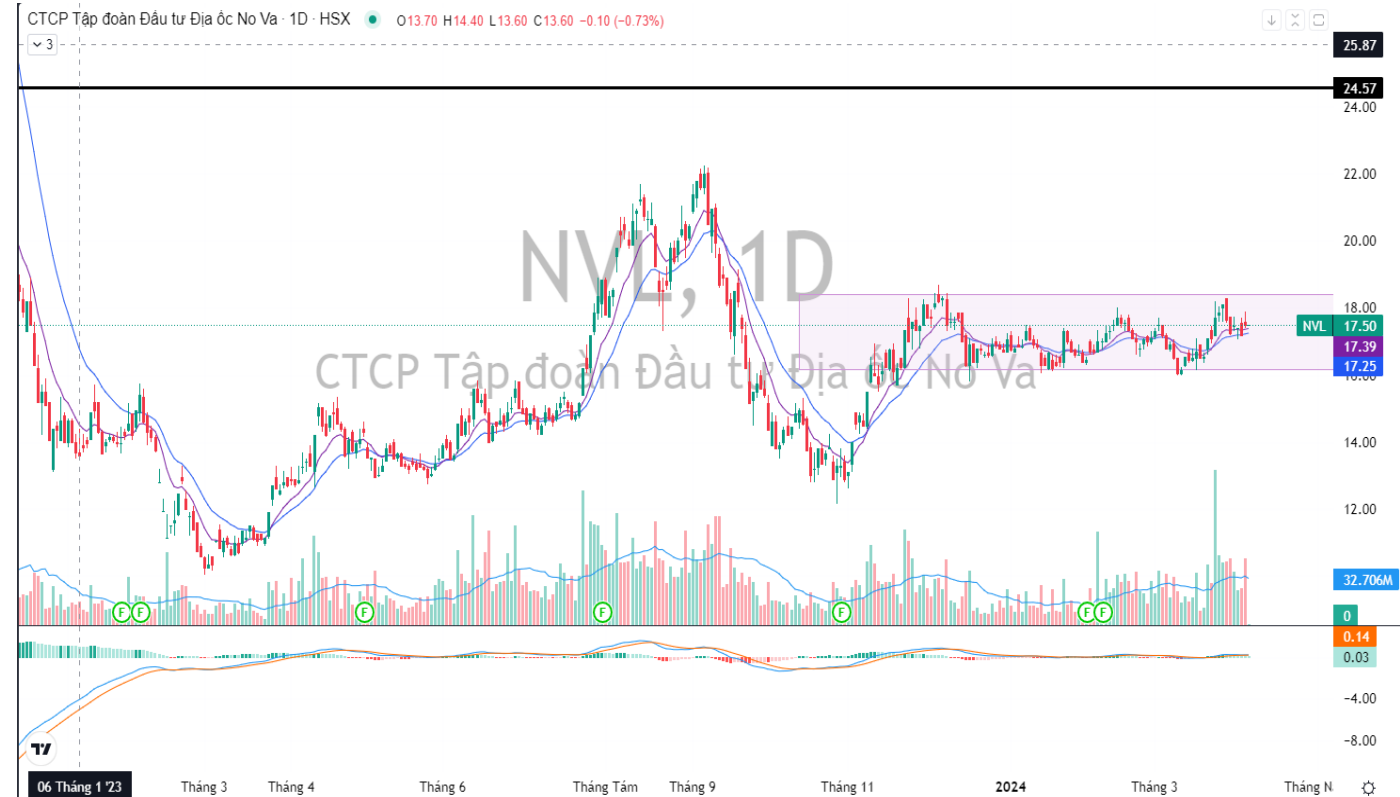
Giá mục tiêu: 22

Vùng mua: 16.5 hoặc vượt 18

Hỗ trợ: 14.5

Kháng cự: 18

Cắt lỗ: 14



Luận điểm đầu tư:

Xu thế hiện tại vẫn duy trì xu thế tăng dù lực tăng có dấu hiệu yếu đi trong ngắn hạn. Chúng tôi kỳ vọng vào việc sẽ có điều chỉnh ở VCI, mở ra vùng mua thích hợp để mua vào.

Phân tích kỹ thuật:

2 đường EMA ngắn hạn đang có dấu hiệu đi xuống, cho thấy có thể diễn ra xu hướng điều chỉnh trong thời gian tới nếu giá trong ngắn hạn không được cải thiện.

Histogram của MACD đang duy trì trạng thái đỏ và lực bán đang khỏe hơn. Vậy nên, đối với VCI, NĐT nên chờ điểm mua thích hợp nhất để tham gia.

Giá hiện tại: 49.7

Giá mục tiêu: 58 (65 đối với NĐT trung hạn)

Vùng mua: Chờ mua ở 48 – 49 hoặc vượt 55

Hỗ trợ: 45

Kháng cự: 55

Cắt lỗ: 44



Luận điểm đầu tư:

HSG duy trì đà tăng rất tốt ổn định từ tháng 11/2023 cho đến nay. Thanh khoản theo kèm cũng biến động tương xứng với giá. Hiện tại HSG đang ở vùng khá cao và giá cũng đang dần chuyển sang giai đoạn tích lũy nếu duy trì được vùng hỗ trợ ở 22.

Phân tích kỹ thuật:

Các chỉ báo kỹ thuật như MACD đã giao cắt biểu thị xu thế giảm điểm đang chi phối mạnh hơn, cổ histogram cũng vừa quay đầu di chuyển xuống dưới vùng 0.

EMA cũng đang có dấu hiệu đi ngang, không còn giữ được độ dốc lên thường thấy trong xu thế tăng mạnh nữa. Từ các chỉ báo trên, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên quan sát chờ mua khi giá về lại vùng hỗ trợ.

Giá hiện tại: 22.6

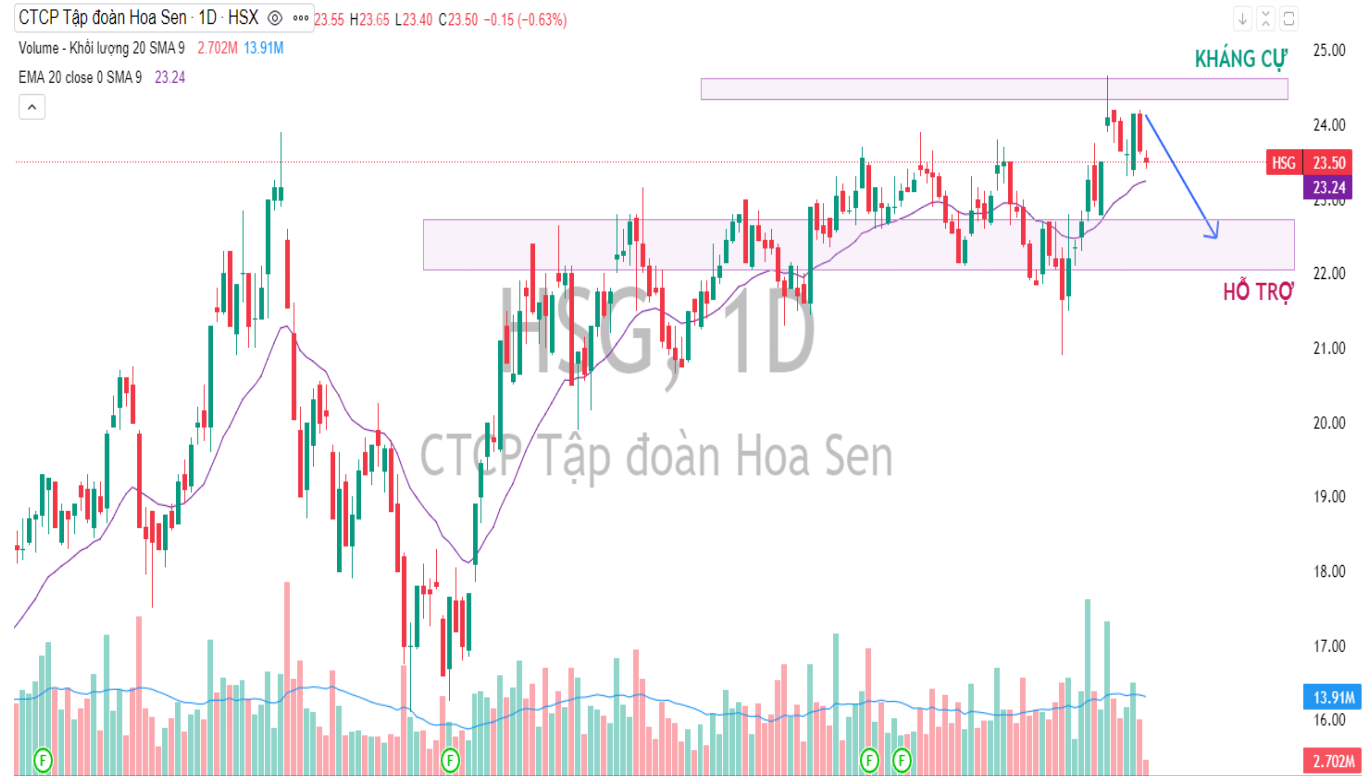
Giá mục tiêu: 26

Vùng chờ mua: 22 – 23

Hỗ trợ: 20.5

Kháng cự: 27

Cắt lỗ: 20



TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

Analyst

Lê Hồng Hải

028 7301 3839 (Ext 862)

hailh@tpbs.com.vn

Economist

Phan Thị Liên

028 7301 3839 (Ext 574)

lienpt@tpbs.com.vn

Head of Research


Ngô Thị Lệ Thanh

028 7301 3839 (Ext 121)

thanhnt@tpbs.com.vn

LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG (TPS)

 028 7301 3839

 tt.pt@tpbs.com.vn

 <https://www.tpbs.com.vn/>